

ĐẢNG BỘ TỈNH KHÁNH HÒA
ĐẢNG ỦY CÁC CƠ QUAN ĐẢNG

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
Khánh Hòa, ngày 13 tháng 10 năm 2025

*

Số 93-CV/ĐU
*Về việc tuyên truyền Bản tin thông tin
sinh hoạt Chi bộ số Chuyên đề*

Kính gửi: Các cấp ủy, chi bộ cơ sở.

Thực hiện Công văn số 32-CV/BTGDV, ngày 01/10/2025 của Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy về *tuyên truyền, sinh hoạt số Chuyên đề*, Ban Thường vụ Đảng ủy Các cơ quan Đảng tỉnh gửi đến các cấp ủy, chi bộ cơ sở Bản tin thông tin sinh hoạt chi bộ - Số chuyên đề “*Hội nhập quốc tế của Việt Nam trong kiến tạo hòa bình, bảo vệ và xây dựng Tổ quốc*”.

Đề nghị các cấp ủy, chi bộ cơ sở chỉ đạo đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên quán triệt, tuyên truyền những nội dung cốt lõi của chuyên đề; các vấn đề về hội nhập quốc tế của Việt Nam thông qua sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt chuyên đề, cơ quan, đơn vị; qua đó, góp phần tạo sự thống nhất cao về nhận thức, hành động của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ trọng yếu của Đảng gắn với triển khai các nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị, phục vụ hiệu quả nhiệm vụ hội nhập quốc tế.

(Gửi kèm nội dung Chuyên đề “Hội nhập quốc tế của Việt Nam trong kiến tạo hòa bình, bảo vệ và xây dựng Tổ quốc”).

Đề nghị các cấp ủy, chi bộ cơ sở quan tâm triển khai thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên,
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy,
- Thường trực Đảng ủy,
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy,
- Lưu Văn phòng Đảng ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ

Trịnh Văn Mơ

BẢN TIN THÔNG TIN SINH HOẠT CHI BỘ, SỐ CHUYÊN ĐỀ

**HỘI NHẬP QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM TRONG KIẾN TẠO
HÒA BÌNH, BẢO VỆ VÀ XÂY DỰNG TỔ QUỐC**

LỜI MỞ ĐẦU

Đảng Cộng sản Việt Nam xác định hội nhập quốc tế là chiến lược quan trọng nhằm củng cố môi trường hòa bình, ổn định, thúc đẩy phát triển kinh tế, bảo đảm an ninh quốc gia, nâng tầm ảnh hưởng của đất nước trên bản đồ thế giới.

40 năm đổi mới, tiến trình hội nhập quốc tế của Việt Nam đã đạt những kết quả quan trọng, mang tầm vóc lịch sử. Từ một đất nước bị bao vây cô lập, Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao với 194 quốc gia trên thế giới, có quan hệ Đối tác chiến lược và Đối tác toàn diện với 38 nước, trong đó có tất cả các thành viên thường trực Hội đồng bảo an Liên hợp quốc, các nước lớn; là thành viên tích cực của trên 70 tổ chức khu vực và quốc tế, có quan hệ chính trị, quốc phòng, an ninh phát triển sâu rộng, thực chất.

Đất nước ta đang bước vào kỷ nguyên vươn mình tới thịnh vượng, hùng cường, “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” đòi hỏi phải có tâm thế, vị thế mới và tư duy, cách tiếp cận mới về hội nhập quốc tế. Sự ra đời của Nghị quyết số 59-NQ/TW, ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về “Hội nhập quốc tế trong tình hình mới” là “quyết sách đột phá”, đánh dấu bước ngoặt có tính lịch sử trong quá trình hội nhập của đất nước với việc định vị hội nhập quốc tế là động lực quan trọng đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương, Vụ Thông tin - Đối ngoại phối hợp với một số đơn vị chức năng của Bộ Ngoại giao biên soạn Bản tin Thông tin sinh hoạt chi bộ, số chuyên đề “*Hội nhập quốc tế của Việt Nam trong kiến tạo hòa bình, bảo vệ và xây dựng Tổ quốc*”, phục vụ sinh hoạt chi bộ định kỳ.

Đề nghị các cấp ủy, tổ chức đảng, Ban Tuyên giáo và Dân vận các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương, đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên của Đảng tiếp tục quán triệt, tuyên truyền sâu rộng những vấn đề về hội nhập quốc tế của Việt Nam, góp phần tạo sự thống nhất cao về nhận thức, hành động của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ trọng yếu của Đảng cũng như các nhiệm vụ chính trị quan trọng của địa phương, cơ quan, đơn vị về hội nhập quốc tế.

VỤ THÔNG TIN - ĐỐI NGOẠI

I. Bối cảnh quốc tế và thời cơ chiến lược cho Việt Nam phát triển trong kỷ nguyên mới

1. Bối cảnh quốc tế

Thế giới ngày nay là một chỉnh thể rất phức tạp với nền chính trị thế giới, nền kinh tế thế giới và nền văn minh nhân loại. Sự vận động của thế giới vừa tuân theo các quy luật và xu thế khách quan, vừa thông qua sự tương tác giữa các chủ thể cấu thành hệ thống. Các chủ thể đó là các quốc gia - dân tộc, các nền kinh tế, các nền văn hóa, các tổ chức quốc tế và khu vực, các tập hợp lực lượng quốc tế... Sự tương tác giữa chúng với nhau hết sức đa dạng, chứa đựng cả hợp tác lẫn đấu tranh trên cơ sở lợi ích của mỗi chủ thể.

Nhìn vào các quy luật và xu thế khách quan của sự phát triển của xã hội loài người¹, cũng như các mối quan hệ đã định hình và có tính ổn định lâu dài giữa các nước, các nền kinh tế, các nền văn hóa, các tập hợp lực lượng quốc tế..., có thể thấy sự vận động của thế giới từ nay đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 có những nét lớn đáng chú ý sau:

- Hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, phản ánh khát vọng của nhân dân các nước và nhu cầu khách quan của nhân loại để có thể không ngừng phát triển. Muốn phát triển, các nước đều cần có môi trường hòa bình và sự hợp tác. Tuy nhiên, trong thời gian tới, xu thế hòa bình, hợp tác và phát triển cũng đứng trước nhiều trở ngại, khó khăn. Chiến tranh và xung đột vũ trang với quy mô và mức độ khác nhau vẫn xảy ra ở nơi này, nơi khác, với sự tham gia của cả các lực lượng nhà nước và các lực lượng phi nhà nước, các tổ chức vũ trang đủ màu sắc (dân tộc, tôn giáo, chính trị cực đoan, khủng bố...). Chạy đua vũ trang đang có chiều hướng gia tăng, làm suy giảm các nguồn lực dành cho phát triển kinh tế - xã hội, suy giảm khả năng kiểm soát rủi ro, kể cả rủi ro hạt nhân...

- Quá trình toàn cầu hóa tiếp tục tiến triển, nhưng bị thách thức bởi sự trỗi dậy của chủ nghĩa dân tộc cực đoan, của sự cạnh tranh và tranh chấp có thể dẫn đến phân tách ở mức độ nhất định giữa các nước lớn, các tập hợp lực lượng quốc tế... Những sự phân tách về chính trị, công nghệ cao, tài chính - tiền tệ đã manh nha xuất hiện (như giữa Mỹ và Trung Quốc về chip và chất bán dẫn; giữa Mỹ, phương Tây và Nga về tài chính, tiền tệ và thanh toán quốc tế...). Những sự phân

¹ Các quy luật và xu thế khách quan của sự phát triển của xã hội loài người được xác định trong các học thuyết khoa học, đặc biệt là trong chủ nghĩa Mác - Lênin, như quy luật về sự tiến hóa của xã hội loài người từ hình thái kinh tế - xã hội thấp lên hình thái kinh tế - xã hội cao hơn, các quy luật kinh tế thị trường, quy luật về sự phát triển không đồng đều giữa các nước, v.v...

tách đó đang có những tác động nhất định đến sự vận hành của nền kinh tế và chính trị thế giới...

- Tình trạng biến đổi khí hậu ngày càng trở nên gay gắt, các hiện tượng thời tiết cực đoan, dịch bệnh hiểm nghèo và các vấn đề an ninh phi truyền thống diễn biến phức tạp, gây cản trở, thậm chí đe dọa sự phát triển của nhân loại.

- Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang tạo ra bước phát triển nhảy vọt của lực lượng sản xuất của xã hội loài người; đồng thời thúc đẩy hiện đại hóa toàn bộ đời sống kinh tế, văn hóa - xã hội của xã hội loài người trên nền tảng số hóa và kết nối vạn vật; kéo theo những biến đổi xã hội sâu sắc, cả ở cấp độ quốc gia - dân tộc, thế giới; thúc đẩy quy luật phát triển không đồng đều giữa các nước, các nền kinh tế; tạo ra cả thời cơ và thách thức đối với mọi quốc gia, dân tộc.

- Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn tiếp tục diễn ra dưới nhiều hình thức, phức tạp và quyết liệt hơn; làm thay đổi vị trí, vai trò, so sánh lực lượng giữa các nước lớn; thúc đẩy củng cố và hình thành mới các tập hợp lực lượng quốc tế do các nước lớn dẫn dắt; làm gia tăng rủi ro đối với môi trường kinh tế, chính trị, an ninh quốc tế.

- Cục diện thế giới đang dịch chuyển mạnh theo hướng đa cực, đa trung tâm. Chủ nghĩa cường quyền nước lớn, chủ nghĩa dân tộc cực đoan trong quan hệ quốc tế gia tăng. Luật pháp quốc tế và các thể chế đa phương toàn cầu đứng trước những thách thức lớn và những đòi hỏi khách quan phải đổi mới, cải tổ.

- Kinh tế thế giới còn nhiều khó khăn, không ổn định. Các chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu, cũng như các hệ thống thanh toán quốc tế, đang được tái cơ cấu và sắp xếp lại dưới tác động của các yếu tố địa chiến lược, cạnh tranh nước lớn và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; kéo theo sự dịch chuyển các dòng đầu tư. Cạnh tranh kinh tế, chiến tranh thương mại, tranh giành thị trường, các nguồn tài nguyên, công nghệ, nhân lực chất lượng cao, thu hút đầu tư nước ngoài... ngày càng quyết liệt.

- Khu vực châu Á - Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương nói chung, Đông Nam Á nói riêng, trở thành tâm điểm địa chiến lược của thế giới với sự cạnh tranh gay gắt giữa các nước lớn. Tranh chấp chủ quyền lãnh thổ, biển, đảo diễn ra căng thẳng, phức tạp, quyết liệt hơn. Hòa bình, ổn định, an ninh, an toàn, tự do hàng hải và hàng không trên Biển Đông, cũng như ở các vùng biển khác trong khu vực, đứng trước những thách thức lớn, tiềm ẩn cả nguy cơ bùng phát xung đột. ASEAN tiếp tục nỗ lực phát huy vai trò trung tâm trong cấu trúc khu vực, trong việc duy trì hòa bình, ổn định và thúc đẩy hợp tác khu vực, song cũng đứng trước nhiều khó khăn, thách thức cả từ bên trong lẫn bên ngoài. Trong đó, khó khăn, thách thức từ bên trong đến từ những vấn đề nội bộ phức tạp của một số nước thành viên

ASEAN, những vấn đề nảy sinh trong quá trình xây dựng Cộng đồng ASEAN, vấn đề biên giới, lãnh thổ giữa một vài nước ASEAN; khó khăn, thách thức từ bên ngoài đến từ sự cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, sức ép của các nước lớn đối với ASEAN và đối với mỗi nước thành viên ASEAN...

2. Thời cơ chiến lược cho Việt Nam phát triển

Qua gần 40 năm đổi mới toàn diện, với những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử đã đạt được, *Việt Nam đã tích lũy được thế và lực nhất định, tạo ra được những tiền đề cần thiết và vị thế thuận lợi để phát triển trong thời gian tới.* Đó là quy mô của một nền kinh tế đang được công nghiệp hóa, hiện đại hóa, có tốc độ tăng trưởng khá cao và liên tục, với hơn 100 triệu dân và tổng sản phẩm quốc nội (GDP) năm 2024 đạt 476,3 tỷ USD, đứng thứ 33 thế giới. Đó là sự ổn định chính trị - xã hội dựa trên khối đại đoàn kết toàn dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng; sự hội nhập ngày càng sâu rộng của Việt Nam vào mọi mặt đời sống xã hội quốc tế, là vị trí, vai trò của một thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế, có ảnh hưởng ngày càng lớn, tiếng nói ngày càng quan trọng trong ASEAN và nhiều tổ chức quốc tế²; sự tham gia của Việt Nam trong các hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới, tiêu chuẩn cao, như: Hiệp định Đối tác toàn diện xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu (EVFTA)... Đó là thế đan xen lợi ích nhiều tầng nấc với các mối quan hệ “đặc biệt” với 03 nước³, quan hệ “đối tác chiến lược toàn diện” với 13 nước⁴, quan hệ “đối tác chiến lược” với 09 nước⁵, quan hệ “đối tác toàn diện” với 14 nước⁶, quan hệ kinh tế - thương mại với 230 nước và vùng lãnh thổ... Đúng như Đại hội lần thứ XIII của Đảng đã đánh giá: “Đất nước đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, phát triển mạnh mẽ, toàn diện so với những năm trước đổi mới. Quy mô, trình độ nền kinh tế được nâng lên. Đời sống Nhân dân cả về vật chất và tinh thần được cải thiện rõ rệt. Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay. Đây là niềm tự hào, là động lực, nguồn lực quan trọng, là niềm tin để toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta vượt qua mọi khó khăn,

² Việt Nam 2 lần được bầu làm Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc (nhiệm kỳ 2008 - 2009 và nhiệm kỳ 2020 - 2021), 2 lần được bầu vào Hội đồng Nhân quyền của Liên hợp quốc (nhiệm kỳ 2014 - 2016 và nhiệm kỳ 2023 - 2025)... Đảng Cộng sản Việt Nam được bầu vào Ủy ban Thường trực Hội nghị các chính đảng châu Á (ICAPP)...

³ Lào, Campuchia và Cuba.

⁴ Trung Quốc (từ năm 2008), Nga (từ năm 2012), Ấn Độ (từ năm 2016), Hàn Quốc (từ năm 2022), Hoa Kỳ (từ năm 2023), Nhật Bản (từ năm 2023), Ôxtrâyliya (từ năm 2024), Pháp (từ năm 2024), Malaixia (từ năm 2024), Niu Dilân (từ năm 2025), Indônêxia (từ năm 2025), Xinggapo (từ năm 2025) và Thái Lan (từ năm 2025).

⁵ Tây Ban Nha (2009), Anh (2010), Đức (2011), Italia (2011), Philippin (2015), Braxin (2024), Kádácxtan (2025), Adécbaigian (2025) và Bêlarút (2025).

⁶ Nam Phi (từ năm 2004), Chilê (từ năm 2007), Vênuêluêla (từ năm 2007), Áchentina (từ năm 2010), Ucraina (từ năm 2011), Đan Mạch (từ năm 2013), Mianma (từ năm 2017), Canada (từ năm 2017), Hung-ga-ri (từ năm 2018), Bru-nây (từ năm 2019), Hà Lan (từ năm 2019), Mông Cổ (2024), UAE (2024) và Thụy Sĩ (2025).

thách thức, tiếp tục vững bước trên con đường đổi mới toàn diện, đồng bộ; phát triển nhanh và bền vững đất nước⁷”.

Với thế và lực hiện có, với những tiền đề cần thiết cho đất nước phát triển đã được tạo lập, có thể khẳng định, sự vận động của thế giới trong thời gian tới mặc dù hết sức phức tạp và có thể có những biến động khó lường, chứa đựng nhiều thách thức, song đang mở ra *thời cơ chiến lược cho Việt Nam phát triển*, thực hiện thắng lợi các mục tiêu xây dựng đất nước đến năm 2030 trở thành *nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao* và đến năm 2045 thành *nước phát triển, thu nhập cao*.

Bối cảnh quốc tế những năm tới có hai nhân tố quan trọng thúc đẩy hình thành thời cơ chiến lược cho Việt Nam phát triển, đó là:

- *Thứ nhất*, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang mở ra cơ hội khách quan cho sự phát triển nhảy vọt của những nước bắt nhịp được vào cuộc Cách mạng này. Lịch sử phát triển của xã hội loài người cho thấy, các cuộc cách mạng công nghiệp luôn thúc đẩy quy luật phát triển không đồng đều giữa các nước, các nhóm nước; tạo điều kiện khách quan thuận lợi cho nước đi sau có tiềm lực nhất định có thể phát triển nhanh để theo kịp và thậm chí vượt lên trên nước đi trước. Cách mạng công nghiệp tạo điều kiện thuận lợi cho kiểu phát triển nhảy vọt, rút ngắn. Do vậy, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang mở ra cơ hội khách quan cho Việt Nam - một nước đã có thực lực đủ mạnh để có thể bắt nhịp với cuộc Cách mạng này - thực hiện sự phát triển bứt phá để vượt lên. Để làm được điều đó, Việt Nam cần có chính sách phát triển thích hợp, chủ động thúc đẩy đổi mới cơ cấu kinh tế và cơ cấu giai tầng xã hội mà cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư hướng đến...

- *Thứ hai*, về mặt địa lý tự nhiên, Việt Nam nằm ở Đông Nam Á và ven Biển Đông - khu vực kết nối giữa Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương. Mọi khu vực kết nối đều có vị trí xung yếu, là tiêu điểm trong tính toán chiến lược của mọi quốc gia, mọi tập hợp lực lượng quốc tế. Biển Đông còn là vùng biển giàu tài nguyên thiên nhiên, trong đó có tài nguyên dầu, khí⁸; là nơi tập trung các tuyến đường vận tải biển quan trọng của thế giới, với khoảng 60% giá trị vận tải biển toàn cầu; hầu hết chu chuyển hàng hóa hai chiều của các nước, vùng lãnh thổ ở Đông Á - Thái Bình Dương với phần còn lại của thế giới là đi qua Biển Đông. Việt Nam còn nằm kề sát Trung Quốc - một nước có dân số hơn 1,4 tỷ người, lớn thứ hai thế giới (sau

⁷ Xem: Báo cáo Chính trị Đại hội XIII.

⁸ Năm 2012, Tập đoàn Dầu khí Hải Dương Trung Quốc (CNOOC) ước tính trữ lượng dầu, khí chưa khai thác ở Biển Đông lên đến 125 tỷ thùng dầu và hơn 14 nghìn tỷ m³ khí. Năm 2013, Cơ quan Quản lý thông tin năng lượng Mỹ (EIA) ước tính Biển Đông có trữ lượng khoảng 11 tỷ thùng dầu và 5,34 nghìn tỷ m³ khí. Theo đánh giá của Bộ Kế hoạch - Đầu tư Việt Nam, tổng trữ lượng trên thềm lục địa của Việt Nam đạt xấp xỉ 10 tỷ tấn dầu quy đổi (trữ lượng khai thác khoảng 2 tỷ tấn) và 1 nghìn tỷ m³ khí.

Ấn Độ), có diện tích hơn 9,5 triệu km², lớn thứ ba thế giới (sau Nga và Canada), có nền kinh tế với GDP hơn 18.000 tỷ USD, lớn thứ hai thế giới (sau Mỹ), đang “trỗi dậy” mạnh mẽ thành cường quốc thế giới và đứng vào “trung tâm của vũ đài thế giới”⁹. Với các đặc điểm địa lý tự nhiên này, Việt Nam đang được nhiều nước lớn trên thế giới quan tâm. Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, nhất là giữa Mỹ và Trung Quốc, và sự xuất hiện “cách tiếp cận Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương”¹⁰ trong quan hệ quốc tế đang làm cho giá trị địa - chiến lược của Việt Nam tăng cao. Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho Việt Nam vừa giữ vững được độc lập, tự chủ, vừa phát triển được quan hệ hợp tác cùng có lợi và bền chặt với tất cả các nước lớn, các nước phát triển hàng đầu thế giới. Nhìn vào lợi thế phát triển của đất nước, có thể thấy, các mối quan hệ này sẽ tạo điều kiện khách quan thuận lợi cho Việt Nam có thể đạt tốc độ phát triển nhanh trong thời gian tới.

Do Việt Nam có thế và lực nhất định, lại tích lũy được những tiền đề cần thiết nhất định để phát triển qua 40 năm đổi mới, nên sự vận động của thế giới trong thời gian tới đang mở ra thời cơ chiến lược cho Việt Nam phát triển và đạt được các mục tiêu đã đề ra đến năm 2030 và năm 2045. Chính thế và lực của đất nước 40 năm qua đã thúc đẩy sự xuất hiện thời cơ chiến lược cho đất nước phát triển.

II. Quan điểm của Đảng và Nhà nước về hội nhập quốc tế¹¹

Ngay từ khi cách mạng Việt Nam còn trong trứng nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã xác định cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới. Sau khi Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công và ra đời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, trong Điện văn ngày 17/10/1945 gửi Tổng thống Mỹ H. Toruman (Harry Truman), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã bày tỏ “mong muốn tha thiết - mà Việt Nam cảm nhận sâu sắc và đã chứng tỏ một cách nhất trí - được hợp tác với những nền dân chủ khác trong việc tạo lập và củng cố nền hòa bình và phồn vinh trên thế giới”¹². Tháng 01/1946, nhân danh Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi thư đến Chủ tịch Đại hội đồng Liên hợp quốc bày tỏ nguyện vọng Việt Nam gia nhập Liên hợp quốc. Trong thư, Người khẳng định: “*Việt Nam sẵn sàng thực thi chính sách mở cửa và hợp tác trong mọi lĩnh vực; chấp nhận tham gia mọi tổ chức hợp tác kinh tế quốc tế dưới sự lãnh đạo của Liên hợp quốc*”¹³. Như vậy, ngay từ khi mới ra đời, Đảng và Nhà nước ta đã chủ động trong tư duy và hành động thúc đẩy tiến trình hội nhập quốc tế của Việt Nam.

⁹ Đại hội XX và Đại hội XXI của Đảng Cộng sản Trung Quốc đều đề ra mục tiêu đưa Trung Quốc bước vào trung tâm của vũ đài thế giới vào năm 2049.

¹⁰ Mỹ, EU, Anh, Nhật Bản, Ấn Độ, Ôxtrâyli và một số nước khác đã có chiến lược về Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. ASEAN cũng đã có “Tầm nhìn của ASEAN về Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương” (AOIP)...

¹¹ <http://www.quanlynhanuoc.vn/2025/06/12/chu-dong-tich-cuc-hoi-nhap-quoc-te-o-viet-nam/>

¹² Hồ Chí Minh: *Toàn tập, tập 4*, Nxb CTQG, Hà Nội, 1995, tr. 52.

¹³ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 4, tr. 523.

Trong thời kỳ đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975), Việt Nam đã trở thành ngọn cờ chiến thắng của phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới, đại diện cho lương tri của thời đại, góp phần to lớn vào việc đánh thắng chủ nghĩa thực dân... Bằng đường lối đối ngoại nhất quán và các bước đi khôn khéo, Đảng, Nhà nước và Nhân dân ta đã tạo dựng được mặt trận rộng rãi của Nhân dân thế giới đoàn kết và ủng hộ sự nghiệp đấu tranh chính nghĩa của Nhân dân Việt Nam, tranh thủ được sự giúp đỡ to lớn, có hiệu quả của Liên Xô, các nước xã hội chủ nghĩa và bạn bè quốc tế. Đồng thời, nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Chính phủ lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao với nhiều nước¹⁴, qua đó giành được sự công nhận chính thức và ngày càng rộng rãi của cộng đồng quốc tế đối với độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.

Sau Chiến thắng lịch sử mùa Xuân 1975, nước nhà thống nhất, non sông thu về một mối, tiến trình chủ động và tích cực hội nhập quốc tế của Việt Nam được không ngừng thúc đẩy. Tại Đại hội VI (năm 1986), Đảng ta cho rằng “muốn kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại, nước ta phải tham gia sự phân công lao động quốc tế¹⁵”. Đại hội VII (năm 1991), Đảng ta khẳng định: “cần nhạy bén nhận thức và dự báo được những diễn biến phức tạp và thay đổi sâu sắc trong quan hệ quốc tế, sự phát triển mạnh mẽ của lực lượng sản xuất và xu hướng quốc tế hóa của nền kinh tế thế giới để có những chủ trương đối ngoại phù hợp¹⁶”. Đến Đại hội VIII (năm 1996) khái niệm “hội nhập” mới được đề cập trong Văn kiện Đại hội, đặt ra yêu cầu: “Xây dựng một nền kinh tế mở, hội nhập với khu vực và thế giới, hướng mạnh về xuất khẩu, đồng thời thay thế nhập khẩu bằng những sản phẩm trong nước sản xuất có hiệu quả¹⁷”.

Đại hội IX (năm 2001) tiếp tục nhấn mạnh chủ trương hội nhập kinh tế quốc tế: “Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực theo tinh thần phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, bảo đảm độc lập, tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích dân tộc, giữ vững an ninh quốc gia, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường¹⁸”. Nghị quyết số 07-NQ/TW, ngày 27/11/2001 của Bộ Chính trị (khóa IX) về hội nhập kinh tế quốc tế đã cụ thể hóa quan điểm về hội nhập kinh tế quốc tế.

¹⁴ Trong thời kỳ 1945 - 1975, Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao với 90 nước; từ 1976 đến nay, Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao với 104 nước. Hiện nay, Việt Nam có quan hệ ngoại giao với 194/194 nước thành viên Liên hợp quốc.

¹⁵ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1987, tr. 81.

¹⁶ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1991, tr.88.

¹⁷ Xem Bộ Công thương, Viện nghiên cứu chiến lược, chính sách công thương: *Tăng cường hội nhập kinh tế quốc tế nhằm bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng*, 23/04/2024.

¹⁸ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.120.

Đại hội X của Đảng (năm 2006) xác định “chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời mở rộng hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực khác¹⁹”. Đến Đại hội XI (năm 2011), sau 10 năm hội nhập kinh tế quốc tế, Đảng ta đề ra chủ trương “chủ động, tích cực hội nhập quốc tế”²⁰; đồng thời xác định một trong 10 mối quan hệ lớn cần được chú trọng giải quyết tốt trong quá trình phát triển đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội là mối quan hệ biện chứng giữa giữ vững độc lập, tự chủ trong hội nhập quốc tế và củng cố, tăng cường, phát huy độc lập, tự chủ thông qua hội nhập quốc tế.

Bộ Chính trị (khóa XI) ban hành Nghị quyết số 22-NQ/TW, ngày 10/4/2013 về hội nhập quốc tế, xác định mục tiêu: Hội nhập quốc tế phải nhằm củng cố môi trường hòa bình, tranh thủ tối đa các điều kiện quốc tế thuận lợi để phát triển đất nước nhanh và bền vững, nâng cao đời sống Nhân dân; giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; quảng bá hình ảnh Việt Nam, bảo tồn và phát huy bản sắc dân tộc; tăng cường sức mạnh tổng hợp quốc gia, nâng cao vị thế, uy tín quốc tế của đất nước; góp phần tích cực vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới.

Nghị quyết số 22-NQ/TW xác định một số quan điểm nổi bật sau:

(1) Chủ động và tích cực hội nhập quốc tế trên cơ sở giữ vững đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, vì lợi ích quốc gia, dân tộc, vì hòa bình, hợp tác và phát triển, chính sách đối ngoại rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế.

(2) Hội nhập quốc tế trên cơ sở phát huy tối đa nội lực; gắn kết chặt chẽ và thúc đẩy quá trình hoàn thiện thể chế, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, hiện đại hóa kết cấu hạ tầng, nâng cao sức mạnh tổng hợp và năng lực cạnh tranh quốc gia; gắn kết chặt chẽ với việc tăng cường mức độ liên kết giữa các vùng miền, khu vực trong nước.

(3) Hội nhập kinh tế là trọng tâm, hội nhập trong các lĩnh vực khác phải tạo thuận lợi cho hội nhập kinh tế và góp phần tích cực vào phát triển kinh tế, củng cố quốc phòng, bảo đảm an ninh quốc gia, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, thúc đẩy phát triển văn hóa, xã hội; hội nhập trong các lĩnh vực phải được thực hiện đồng bộ trong một chiến lược hội nhập quốc tế tổng thể với lộ trình, bước đi phù hợp với điều kiện thực tế và năng lực của đất nước.

(4) Hội nhập quốc tế là quá trình vừa hợp tác, vừa đấu tranh; kiên định lợi ích quốc gia, dân tộc; chủ động dự báo, xử lý linh hoạt mọi tình huống, không để

¹⁹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr. 114.

²⁰ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.236.

roi vào thế bị động, đối đầu; không tham gia các tập hợp lực lượng, các liên minh của bên này chống bên kia.

(5) Nghiêm chỉnh tuân thủ các cam kết quốc tế mà Việt Nam tham gia đi đôi với chủ động, tích cực tham gia xây dựng và tận dụng hiệu quả các quy tắc, luật lệ quốc tế và tham gia các hoạt động của cộng đồng khu vực và quốc tế; chủ động đề xuất sáng kiến, cơ chế hợp tác trên nguyên tắc cùng có lợi.

Chủ trương chủ động, tích cực hội nhập, hợp tác quốc tế cũng được thể chế hóa trong Hiến pháp năm 2013, tại Điều 12 quy định: “Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập, hợp tác quốc tế trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi; tuân thủ Hiến chương Liên hợp quốc và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế vì lợi ích quốc gia, dân tộc, góp phần vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới”.

Hội nghị Trung ương 4 (khóa XII) đã ban hành Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 05/11/2016 về thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới”. Nghị quyết số 06-NQ/TW xác định mục tiêu: “Thực hiện tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, nhằm tăng cường khả năng tự chủ của nền kinh tế, mở rộng thị trường, tranh thủ thêm vốn, công nghệ, tri thức, kinh nghiệm quản lý, bảo đảm phát triển nhanh và bền vững, nâng cao đời sống Nhân dân; bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ; nâng cao uy tín và vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế”²¹.

Nghị quyết số 06-NQ/TW xác định 3 quan điểm chỉ đạo lớn: Một là, kiên định đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ; đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ quốc tế; chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế vì lợi ích quốc gia - dân tộc là định hướng chiến lược lớn để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Vận dụng sáng tạo các bài học kinh nghiệm và giải quyết tốt các mối quan hệ lớn, nhất là mối quan hệ giữa tính độc lập, tự chủ của nền kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng; Hai là, hội nhập kinh tế quốc tế là trọng tâm của hội nhập quốc tế; hội nhập trong các lĩnh vực khác phải tạo thuận lợi cho hội nhập kinh tế quốc tế...; Ba là, bảo đảm đồng bộ giữa đổi mới và hội nhập kinh tế quốc tế. Đẩy mạnh việc đổi

²¹ Nghị quyết số 06-NQ/TW thực hiện tiến trình hội nhập quốc tế, giữ vững ổn định chính trị xã hội 2016. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Nghi-quyet-06-NQ-TW-thuc-hien-tien-trinh-hoi-nhap-kinh-te-quoc-te-giu-vung-on-dinh-chinh-tri-xa-hoi-2016-332532.aspx>.

mới, hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách; chủ động xử lý các vấn đề nảy sinh; giám sát chặt chẽ và quản lý hiệu quả quá trình thực hiện cam kết trong các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, nhất là trong lĩnh vực, vấn đề liên quan đến ổn định chính trị - xã hội.

Đại hội XIII của Đảng (2021) tiếp tục khẳng định chủ trương chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng: “Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối ngoại. Bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hiệp quốc và luật pháp quốc tế, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng”²².

Mới đây, ngày 24/01/2025, Ban Chấp hành Trung ương ban hành Nghị quyết số 59-NQ/TW của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới. Tổng Bí thư Tô Lâm nhấn mạnh, Nghị quyết số 59-NQ/TW là quyết sách đột phá, đánh dấu bước ngoặt lịch sử trong tiến trình hội nhập quốc tế của đất nước; một trong “Bộ tứ trụ cột” giúp đất nước cất cánh²³. Nghị quyết 59-NQ/TW xác định một số nội dung chủ yếu sau:

Trước hết, cùng với quốc phòng, an ninh, “đẩy mạnh đối ngoại và hội nhập quốc tế” là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên. Tinh thần trọng yếu thường xuyên trong hội nhập quốc tế là phải tranh thủ nguồn lực, điều kiện thuận lợi bên ngoài cho mục tiêu phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa; bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc, bảo đảm tốt nhất lợi ích của Nhân dân.

Thứ hai, trong nhận thức, hội nhập quốc tế phải là sự nghiệp của toàn dân, của cả hệ thống chính trị, dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước. Người dân và doanh nghiệp là trung tâm, chủ thể, động lực, lực lượng chủ công và đối tượng thụ hưởng các lợi ích của hội nhập quốc tế. Hội nhập nhưng vẫn giữ bản sắc dân tộc, hội nhập, hòa nhập chứ không hòa tan.

Thứ ba, hội nhập quốc tế phải trên cơ sở nội lực có vai trò quyết định, gia tăng nội lực đi đôi với tranh thủ ngoại lực. Nội lực là nguồn lực chính, là gốc rễ cho sức mạnh, vì vậy phải luôn được phát huy để bảo đảm tính chủ động, độc lập, tự cường nhưng đồng thời, cần tranh thủ cao độ mọi nguồn lực từ bên ngoài để kết hợp và bổ sung cho nội lực. Kết hợp nhuần nhuyễn giữa sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại, tạo ra sức mạnh Việt Nam trong kỷ nguyên vươn mình.

²² Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tập 1, tr.161 - 162.

²³ Xem Vương Trần: *Tổng Bí thư nêu về bộ tứ trụ cột để Việt Nam cất cánh*, Báo Lao Động, Chủ nhật, 18/05/2025 11:24 (GMT+7).

Thứ tư, hội nhập quốc tế là quá trình vừa hợp tác, vừa đấu tranh, “hợp tác để đấu tranh và đấu tranh để hợp tác. Chú trọng phân đôi tác, hạn chế phân đôi tượng”. Đồng thời, tôn trọng các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế. Trong hội nhập, phải thể hiện đúng tinh thần “đối tác tích cực, có trách nhiệm” của Việt Nam trong cộng đồng quốc tế, sẵn sàng đóng góp cho những nỗ lực chung của khu vực và thế giới.

Thứ năm, hội nhập quốc tế phải mang tính chất “đồng bộ, toàn diện, sâu rộng”, trong đó các lĩnh vực phải gắn kết chặt chẽ, bổ sung cho nhau trong một chiến lược tổng thể, có trọng tâm, trọng điểm với lộ trình và bước đi phù hợp.

III. Vai trò của đối ngoại đa phương trong hội nhập quốc tế của Việt Nam²⁴

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, đặc biệt kể từ khi Chiến tranh Lạnh kết thúc, cùng với sự xuất hiện của các vấn đề khu vực và toàn cầu mà không quốc gia nào có thể đơn phương giải quyết, chủ nghĩa đa phương đã và đang trở thành một yếu tố then chốt trong quan hệ quốc tế hiện đại, góp phần xây dựng một thế giới hòa bình, ổn định và thịnh vượng. Đối với Việt Nam, ngoại giao đa phương được Đảng và Nhà nước nhận định là một bộ phận quan trọng của đối ngoại Việt Nam, góp phần quan trọng vào công cuộc xây dựng, bảo vệ và phát triển Tổ quốc.

Cùng với việc thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa năm 1945, nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, ngoại giao đa phương Việt Nam đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh đặt nền móng, xác định là ưu tiên của nền ngoại giao mới. Trong thư gửi Tổng Thư ký Liên hợp quốc năm 1946, Người viết: “Việt Nam sẵn sàng thực thi chính sách mở cửa và hợp tác trong mọi lĩnh vực; chấp nhận tham gia mọi tổ chức hợp tác kinh tế quốc tế dưới sự lãnh đạo của Liên hợp quốc”²⁵. Tư tưởng coi trọng hợp tác đa phương đã được Đảng ta kế thừa và phát triển thể hiện qua chủ trương, định hướng về đối ngoại đa phương trong mỗi giai đoạn phát triển của đất nước.

Đặc biệt, kể từ khi tiến hành công cuộc đổi mới đất nước, ngoại giao đa phương đã trở thành một bộ phận quan trọng trong tư duy và thực tiễn triển khai đường lối đối ngoại “độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; là bạn, đối tác tin

²⁴<https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/quoc-phong-an-ninh-oi-ngoai1/-/2018/1064102/ngoai-giao-da-phuong-dua-dat-nuoc-hoi-nhap-toan-dien-va-sau-rong-trong-thoi-dai-moi.aspx>

²⁵ Đối với các nước dân chủ, nước Việt Nam sẵn sàng thực thi chính sách mở cửa và hợp tác trong mọi lĩnh vực: Nước Việt Nam dành sự tiếp nhận thuận lợi cho đầu tư của các nhà tư bản, nhà kỹ thuật nước ngoài trong tất cả các ngành kỹ nghệ của mình - Nước Việt Nam sẵn sàng mở rộng các cảng, sân bay và đường sá giao thông cho việc buôn bán và quá cảnh quốc tế dưới sự lãnh đạo của Liên hiệp quốc - Nước Việt Nam sẵn sàng ký kết với các lực lượng hải quân, lục quân trong khuôn khổ của Liên hiệp quốc những hiệp định an ninh đặc biệt và những hiệp ước liên quan đến việc sử dụng một vài căn cứ hải quân và không quân”. Xem: Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 4, tr. 523.

cây và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế”²⁶. Khái niệm “đa dạng hóa quan hệ” trên cơ sở “thêm bạn, bớt thù” lần đầu tiên được đề cập trong Nghị quyết số 13/NQ-TW, ngày 20/5/1988 của Bộ Chính trị, thể hiện bước chuyển mang tính bước ngoặt trong tư duy đối ngoại và đặt nền móng cho chủ trương “đa phương hóa, đa dạng hóa” của Đảng và Nhà nước Việt Nam sau này. Trên cơ sở đó, tư duy và nội hàm đối ngoại đa phương của Đảng ta đã được kế thừa, liên tục bổ sung, hoàn thiện để phù hợp với tình hình quốc tế và phục vụ tốt nhất yêu cầu đặt ra của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước. Tại Đại hội XII của Đảng (2016) và Đại hội XIII của Đảng (2021), đối ngoại đa phương của Việt Nam đã được xác định là một định hướng chiến lược của đất nước. Nội hàm đối ngoại đa phương đã được Đảng và Nhà nước bổ sung, nâng tầm, làm sâu sắc, thể hiện bước chuyển mạnh mẽ từ tư duy “tham gia” (Đại hội X của Đảng năm 2006, Đại hội XI của Đảng năm 2011) sang “chủ động, tích cực tham gia, phát huy vai trò, đóng góp xây dựng định hình các thể chế đa phương và trật tự chính trị - kinh tế quốc tế”²⁷ (Đại hội XII của Đảng năm 2016 và Đại hội XIII của Đảng năm 2021). Đồng thời, Chỉ thị số 25-CT/TW, ngày 08/8/2018 của Ban Bí thư “Về đẩy mạnh và nâng tầm đối ngoại đa phương đến năm 2030” đã bổ sung định hướng “nỗ lực vươn lên đóng vai trò nòng cốt, dẫn dắt hoặc hòa giải tại các diễn đàn, tổ chức đa phương có tầm quan trọng chiến lược”.

Gần 80 năm qua, sự trưởng thành của ngoại giao đa phương luôn gắn liền với sự nghiệp cách mạng vẻ vang của đất nước. Trong thời kỳ đấu tranh giành độc lập dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975), ngoại giao đa phương đã mở ra mặt trận quan trọng, góp phần tranh thủ sự ủng hộ của bạn bè quốc tế cho cuộc đấu tranh chính nghĩa của dân tộc. Thắng lợi mang ý nghĩa lịch sử của ngoại giao đa phương, với Hiệp định Giơnevơ năm 1954, Hiệp định Pari năm 1973, đã góp phần khẳng định vị thế một nước Việt Nam độc lập, thống nhất, với các quyền dân tộc cơ bản trên trường quốc tế.

Trong thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội và đổi mới (từ năm 1975 đến nay), ngoại giao đa phương đạt được nhiều thành tựu to lớn, góp phần quan trọng phá thế bao vây, cấm vận, bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ, duy trì môi trường hòa bình, ổn định, nâng cao vị thế đất nước, thu hút nguồn lực phục vụ phát triển. Mỗi dấu ấn của ngoại giao đa phương đều góp phần mở đường đưa đất nước từng bước hội nhập quốc tế toàn diện và sâu rộng. Việc Việt Nam trở thành thành viên của Liên hợp quốc vào năm 1977 có ý nghĩa chính trị và pháp lý quan trọng, khẳng định vị trí đầy đủ của một nước Việt Nam độc lập, thống nhất trên trường quốc

²⁶ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr. 235 - 236.

²⁷ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tập I, tr. 164.

tế²⁸. Nỗ lực đa phương của Việt Nam trong thúc đẩy đối thoại với Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN, từ năm 1985) và Hội nghị quốc tế Pari (1991) để giải quyết vấn đề Campuchia đã tạo đột phá, góp phần khai thông quan hệ của Việt Nam với các nước, nhất là các nước lớn, như Trung Quốc, Hoa Kỳ và các tổ chức quốc tế, khu vực. Nếu việc gia nhập ASEAN (1995) đánh dấu tiến trình hội nhập khu vực của đất nước thì việc gia nhập WTO sau gần 12 năm đàm phán là dấu mốc của nền kinh tế Việt Nam chính thức hội nhập toàn diện vào nền kinh tế thế giới. Đến nay, từ một quốc gia bị bao vây, cô lập, Việt Nam đã là thành viên của hầu hết cơ chế hợp tác, liên kết đa phương từ cấp độ toàn cầu (Liên hợp quốc, WTO, Ngân hàng Thế giới, Quỹ Tiền tệ quốc tế), liên khu vực (Diễn đàn Hợp tác Á - Âu, Diễn đàn Hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương...) đến khu vực (ASEAN, Ngân hàng Phát triển châu Á...), sở hữu một mạng lưới hiệp định thương mại tự do (FTA) với hầu hết trung tâm kinh tế - thương mại hàng đầu thế giới. Cùng với quá trình đó, từ một đất nước nghèo nàn, lạc hậu, chỉ sau gần 40 năm tiến hành công cuộc đổi mới và hội nhập quốc tế sâu rộng, Việt Nam đã trở thành một “đầu tàu” tăng trưởng của khu vực châu Á, quốc gia đang phát triển năng động, đứng thứ 35 trong số các nền kinh tế lớn nhất thế giới.

Phát huy thành tựu trong hội nhập kinh tế quốc tế, ngoại giao đa phương đã đồng hành cùng đất nước trong nỗ lực mở rộng hợp tác quốc tế toàn diện trên mọi lĩnh vực. Việt Nam tích cực tham gia nỗ lực chung của cộng đồng quốc tế, nhất là Liên hợp quốc trong giải quyết vấn đề hòa bình, an ninh khu vực và quốc tế, thúc đẩy quyền con người, thể hiện năng lực trên nhiều trọng trách quốc tế, nổi bật là đóng góp tích cực của Việt Nam khi đảm nhiệm các cương vị và nghĩa vụ quốc tế, như: Chủ tịch ASEAN (năm 1998, 2010, 2020), Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc (nhiệm kỳ 2008 - 2009, nhiệm kỳ 2020 - 2021), thành viên Hội đồng Thống đốc Cơ quan Năng lượng nguyên tử quốc tế (IAEA, nhiệm kỳ 1991 - 1993, 1997 - 1999, 2003 - 2005, 2021 - 2023), Chủ nhà APEC (năm 2006, 2017), thành viên Hội đồng Nhân quyền (nhiệm kỳ 2014 - 2016, 2023 - 2025)²⁹ ... Việt Nam cũng bước đầu tham gia hình thành các cơ chế hợp tác, xây dựng luật lệ, chuẩn mực chung, nhất là việc thúc đẩy triển khai Tuyên bố về ứng xử các bên ở Biển Đông (DOC), xây dựng Bộ Quy tắc ứng xử ở Biển Đông (COC).

Đóng góp của cán bộ, chiến sĩ Việt Nam cũng như hình ảnh lá cờ đỏ sao vàng Việt Nam tung bay ngày càng nhiều tại Phái bộ gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc, đánh dấu bước tiến quan trọng trong tiến trình hội nhập quốc tế về quốc

²⁸ Xem Bộ Ngoại giao: *Thủ trưởng Đặng Hoàng Giang trả lời phỏng vấn nhân dịp 80 năm thành lập ngành Ngoại giao Việt Nam*, 10:02, 24/08/2025.

²⁹ Xem Đỗ Hùng Việt (Thủ trưởng Bộ Ngoại giao): *Ngoại giao đa phương đưa đất nước hội nhập toàn diện và sâu rộng trong thời đại mới*, Tạp chí Cộng sản điện tử, 08:53, ngày 18/03/2025.

phòng - an ninh, hiện thực hóa cam kết Việt Nam là thành viên tích cực và có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế trong duy trì môi trường hòa bình, ổn định và phát triển chung của nhân loại.

Bên cạnh đó, ngoại giao đa phương đồng hành cùng quá trình hội nhập quốc tế trong các lĩnh vực khác, như: Văn hóa, an sinh xã hội, lao động, thông tin - truyền thông, môi trường, du lịch,..., qua đó góp phần hình thành bản sắc văn hóa Việt Nam thời kỳ hội nhập quốc tế, đồng thời thúc đẩy tiến bộ xã hội, phát triển thị trường lao động, hệ thống an sinh xã hội, xóa đói, giảm nghèo và thực hiện các mục tiêu thiên niên kỷ của Liên hợp quốc và ngày nay là các Mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc; gìn giữ và quảng bá hiệu quả giá trị văn hóa, lịch sử, truyền tải thông điệp về một đất nước Việt Nam văn hiến, yêu chuộng hòa bình,... Trong lĩnh vực khoa học - công nghệ, giáo dục - đào tạo, y tế, việc tham gia các cơ chế hợp tác đa phương khu vực và quốc tế đã góp phần phát triển nền khoa học, giáo dục tiên tiến, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, y tế, đáp ứng nhu cầu của người dân, đặc biệt là huy động sự hỗ trợ thiết thực, hiệu quả của các thể chế đa phương trong phòng, chống dịch bệnh, trong đó có việc viện trợ hơn 70 triệu liều vắc-xin ngừa dịch bệnh Covid-19³⁰.

Thành tựu đạt được đã góp phần quan trọng, khẳng định vai trò của đối ngoại đa phương và mối quan hệ biện chứng gắn kết giữa đối ngoại đa phương và hội nhập quốc tế trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước.

IV. Việt Nam với sứ mệnh giữ gìn hòa bình quốc tế

Ngày 20/9/1977, Liên hợp quốc chính thức kết nạp Việt Nam trở thành quốc gia thành viên thứ 149. Từ năm 1996, Việt Nam bắt đầu tham gia đóng góp kinh phí cho hoạt động gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc theo tỷ lệ phần trăm GDP do Liên hợp quốc và Việt Nam thỏa thuận.

Trong những năm từ 2005 - 2012, Đảng, Chính phủ đã ban hành, phê duyệt chủ trương và tổ chức nhiều chuyên nghiên cứu, khảo sát thực tế, đến một số phái bộ gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc; tham quan, học hỏi mô hình, kinh nghiệm của một số quốc gia đối tác để chuẩn bị lực lượng tham gia hoạt động này.

Ngày 23/11/2012, Bộ Chính trị thông qua “Đề án tổng thể về việc Việt Nam tham gia hoạt động gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc”. Ngày 10/4/2013, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 22-NQ/TW về hội nhập quốc tế, trong đó đề ra định hướng: “Chủ động và tích cực tham gia các thể chế đa phương”, “trong đó có việc tham gia các hoạt động ở mức cao hơn, như hoạt động gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc,...”.

³⁰ Xem *Thành công trong cuộc chiến chống dịch Covid-19 khẳng định tinh thần người Việt*, VOV, Chủ nhật, 12:35, 29/10/2023.

Trên cơ sở đó, ngày 27/5/2014, Bộ Quốc phòng tổ chức lễ ra mắt Trung tâm Gìn giữ hòa bình Việt Nam. Tháng 6/2014, hai sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam đầu tiên đã lên đường làm nhiệm vụ sĩ quan liên lạc tại Phái bộ Nam Sudan, đánh dấu sự tham gia chính thức hoạt động giữ gìn hòa bình Liên hợp quốc của Việt Nam. Từ đó, số lượng sĩ quan được Việt Nam cử đi theo hình thức cá nhân tăng cả về số lượng và lĩnh vực, nhiệm vụ tham gia; và đã được Liên hợp quốc, chỉ huy phái bộ và sĩ quan các nước đánh giá cao cả về trình độ chuyên môn, khả năng tổ chức làm việc và ý thức kỷ luật...

Đến nay, lực lượng của Quân đội nhân dân Việt Nam đã cử gần 1.100 lượt cán bộ, nhân viên tham gia hoạt động gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc tại 3 phái bộ và Trụ sở Liên hợp quốc. Cụ thể, đã triển khai 6 thê đội Bệnh viện dã chiến cấp 2 với biên chế 63 quân nhân (triển khai thê đội đầu tiên từ năm 2018 tại Bentiu, Nam Sudan); 3 thê đội Đội Công binh với biên chế 184 quân nhân (triển khai thê đội đầu tiên năm 2022 tại khu vực Abyei - một khu vực có xung đột phức tạp); cử 137 lượt sĩ quan cá nhân của Quân đội nhân dân Việt Nam và 16 sĩ quan của Công an nhân dân đến các phái bộ gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc tại phái bộ UNISFA (khu vực Abyei), phái bộ UNMISS (Nam Sudan), phái bộ MINUSCA (Cộng hòa Trung Phi), Trụ sở Liên hợp quốc tại New York (Hoa Kỳ). Hiện Đội Công binh số 4 và Bệnh viện dã chiến cấp 2 số 7 đã được thành lập, đã tập trung nhân sự về Cục Gìn giữ hòa bình Việt Nam và Bệnh viện Quân y 175 để huấn luyện và làm công tác chuẩn bị triển khai luân phiên thay thế theo kế hoạch.

Cùng với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an cũng tham gia tích cực vào sứ mệnh gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc. Ngày 06/9/2013, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Đề án Công an nhân dân Việt Nam tham gia hoạt động gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc. Theo đó, kể từ năm 2022 đến nay, Bộ Công an Việt Nam đã cử các Tổ công tác tham gia thực hiện nhiệm vụ gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc. Tuy mới tham gia hoạt động này, nhưng Bộ Công an đã có những bước tiến nhanh, vững chắc; khẳng định sự lớn mạnh, tham gia sâu rộng, hiệu quả vào lực lượng gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc; được Liên hợp quốc và bạn bè quốc tế hoan nghênh, ủng hộ.

Các sĩ quan của Bộ Công an được cử tham gia hoạt động gìn giữ hòa bình đã thể hiện rõ bản lĩnh, năng lực, trình độ, sự sáng tạo và hội nhập nhanh vào môi trường làm việc của Liên hợp quốc, đa quốc gia, đa văn hóa; luôn sẵn sàng nhận và hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao; được lãnh đạo Phái bộ UNMISS, UNISFA đánh giá cao và bổ nhiệm các vị trí quan trọng, như: Chánh Văn phòng kiểm trợ lý đặc biệt cho Tư lệnh Cảnh sát, Cục Hoạt động hòa bình trụ sở Liên hợp quốc (New York - Hoa Kỳ); Trưởng Văn phòng Cảnh sát TORIT, Phái bộ UNMISS ở Nam Xu đăng; Trưởng nhóm Trung tâm tác chiến khẩn cấp và hỗ trợ

cơ sở dữ liệu của sở chỉ huy Phái bộ UNMISS; Sát hạch viên của Phái bộ UNISFA đánh giá năng lực cảnh sát tham gia gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc.

Việc Bộ Quốc phòng và Bộ Công an cử lực lượng tham gia hoạt động gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc đã minh chứng cho những cam kết mạnh mẽ của Đảng và Nhà nước ta và đem lại những đóng góp quan trọng, thực chất cho việc triển khai đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước; khẳng định vị thế, vai trò và khả năng của Việt Nam trong xử lý các vấn đề lớn, phức tạp của thế giới. Đồng thời, sự tham gia vào lực lượng gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc đã góp phần khẳng định uy tín, vị thế của đất nước nói chung, của Quân đội nhân dân Việt Nam và Công an nhân dân Việt Nam nói riêng trên trường quốc tế.

Ngày 26/6/2025, Quốc hội đã biểu quyết thông qua Luật Tham gia lực lượng gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc. Luật gồm 5 chương, 27 điều, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2026. Luật quy định về nguyên tắc, vị trí, chức năng, đối tượng, hình thức, lĩnh vực, hợp tác quốc tế, xây dựng, triển khai lực lượng, bảo đảm nguồn lực, chế độ, chính sách và trách nhiệm cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc tham gia lực lượng gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc.

Việc ban hành Luật nhằm hoàn thiện pháp luật về việc Việt Nam tham gia hoạt động gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc. Việc lực lượng vũ trang nhân dân tham gia gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc là trực tiếp đóng góp vào sứ mệnh cao cả của Liên hợp quốc; đồng thời là cơ hội mở rộng hợp tác quốc tế, trao đổi kinh nghiệm, tiếp cận những vấn đề mới cả về quân sự, dân sự, an ninh, trật tự trên quy mô và phạm vi rộng lớn, với điều kiện môi trường địa chính trị, kinh tế - xã hội, văn hóa đa dạng, khó khăn, phức tạp; góp phần nâng cao năng lực tổ chức, chỉ huy, kỹ năng và hiệu quả thực hiện nhiệm vụ của lực lượng vũ trang nhân dân trong bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

V. Hội nhập quốc tế về an ninh quốc phòng trong bối cảnh mới³¹

Trong những năm qua, Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương, Ban Bí thư, Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, ban hành nhiều văn bản, xác định định hướng, chủ trương lớn về hợp tác và hội nhập quốc tế về quốc phòng. Các cơ quan, đơn vị của Bộ Quốc phòng luôn chủ động, tích cực nghiên cứu, đánh giá tình hình, xác định đúng đối tác, đối tượng và mục tiêu, phương châm hợp tác để kịp thời tham mưu, đề xuất với Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng, báo cáo Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, lãnh đạo Đảng, Nhà nước về những quyết sách quan trọng. Qua đó, giải quyết hiệu quả nhiều vấn đề chiến lược liên quan đến tình hình quân sự, quốc phòng, biên giới

³¹<https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/quoc-phong-an-ninh-oi-ngoai1/-/2018/1087802/hop-tac-va-hoi-nhap-quoc-te-ve-quoc-phong-cua-viet-nam-trong-ky-nguyen-vuon-minh-cua-dan-toc.aspx>

lãnh thổ và quan hệ hợp tác quốc phòng với các quốc gia, bảo đảm không để bị động, bất ngờ.

Hợp tác quốc phòng song phương được triển khai đồng bộ, ngày càng đi vào chiều sâu và thực chất, củng cố lòng tin chính trị, duy trì quan hệ hữu nghị với các quốc gia, giải quyết hiệu quả vấn đề biên giới, lãnh thổ; bảo vệ và duy trì an ninh, an toàn trên các tuyến biên giới của Tổ quốc. Đến nay, Việt Nam đã mở rộng và thiết lập quan hệ hợp tác quốc phòng với hơn 100 quốc gia, bao gồm cả 5 nước Ủy viên Thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc và tất cả cường quốc trên thế giới. Nhiều văn bản quan trọng về hợp tác quốc phòng được ký kết, triển khai hiệu quả, như các tuyên bố tầm nhìn chung về hợp tác quốc phòng, bản ghi nhớ về hợp tác quốc phòng song phương, nghị định thư, chương trình và kế hoạch hợp tác dài hạn 3 năm, 5 năm,... Các văn kiện trên đã thực sự làm sâu sắc thêm quan hệ quốc phòng, củng cố niềm tin chính trị và nâng cao hiệu quả hợp tác với tất cả đối tác trong các lĩnh vực. Các hoạt động giao lưu hữu nghị quốc phòng biên giới với Trung Quốc, Lào và Campuchia; giao lưu hữu nghị quốc phòng biên giới Việt Nam - Lào - Campuchia; cuộc gặp thường niên giữa Bộ trưởng Bộ Quốc phòng 3 nước Việt Nam - Lào - Campuchia và diễn tập chung Quân đội 3 nước Việt Nam - Lào - Campuchia về cứu hộ, cứu nạn, quân y,..., góp phần tăng cường quan hệ quốc phòng theo hướng gắn bó, đoàn kết, hữu nghị và tin cậy với các nước láng giềng, bảo đảm vững chắc vành đai an ninh trực tiếp của đất nước.

Cùng với đó, hoạt động hợp tác và hội nhập quốc tế về quốc phòng đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng và củng cố lòng tin chiến lược với các quốc gia, tổ chức quốc tế, đồng thời tranh thủ sự ủng hộ của cộng đồng quốc tế đối với vấn đề lợi ích cốt lõi của Việt Nam. Bộ Quốc phòng Việt Nam chủ động tham gia diễn đàn đa phương khu vực và quốc tế (Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng các nước ASEAN (ADMM), Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng các nước ASEAN mở rộng (ADMM+), Đối thoại Shangri-La, Hội nghị An ninh Quốc tế Mátxcova, Diễn đàn Hương Sơn Bắc Kinh,...); chủ trì thành công nhiều hoạt động hợp tác thiết thực, tích cực cử lực lượng tham gia hoạt động hợp tác trong khuôn khổ ASEAN; chủ động, linh hoạt vận động hợp tác và thúc đẩy triển khai cam kết với đối tác trong hỗ trợ khắc phục hậu quả chiến tranh, đồng thời phối hợp tìm kiếm quân nhân mất thông tin, mất tích trong chiến tranh. Năm 2023, Bộ Quốc phòng cử lực lượng tham gia cứu hộ, cứu nạn và khắc phục hậu quả thảm họa động đất tại Thổ Nhĩ Kỳ; năm 2025, các lực lượng cứu nạn do động đất tại Mianma thể hiện sự chủ động, trách nhiệm cao và nhận được nhiều đánh giá tích cực từ Liên hợp quốc, Nhân dân Mianma và cộng đồng quốc tế.

Hợp tác và hội nhập quốc tế về quốc phòng là yếu tố ảnh hưởng lớn đến nhiệm vụ củng cố tiềm lực quốc phòng, xây dựng Quân đội tinh nhuệ, tiến lên hiện

đại, đáp ứng yêu cầu bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Thông qua chương trình hợp tác đào tạo, huấn luyện với quân đội nước ngoài và tham gia hoạt động gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc, cán bộ, chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam có cơ hội giao lưu, học hỏi, trải nghiệm và cọ xát trong môi trường quốc tế, từ đó tích lũy kinh nghiệm, nâng cao hình ảnh, vị thế, uy tín của đất nước và quân đội trong mắt bạn bè quốc tế. Bên cạnh đó, thông qua hợp tác về mua sắm, nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, tham gia triển lãm quốc phòng quốc tế, chúng ta có cơ hội tiếp cận công nghệ tiên tiến, thúc đẩy hợp tác chuyển giao và làm chủ công nghệ hiện đại; tăng cường khả năng tự sản xuất vũ khí, trang bị công nghệ cao, nâng cao tiềm lực quốc phòng. Đặc biệt, trong các năm 2022 và 2024, Bộ Quốc phòng đã tổ chức rất thành công hai kỳ Triển lãm Quốc phòng quốc tế Việt Nam, thu hút sự tham gia đông đảo lãnh đạo Bộ Quốc phòng, Quân đội các nước và hàng trăm tập đoàn, doanh nghiệp quốc phòng lớn trong và ngoài nước tham quan, trưng bày tại triển lãm, từ đó tạo dựng niềm tin cho Nhân dân về khả năng, tiềm lực quốc phòng của đất nước.

VI. Ngoại giao văn hóa - Cầu nối hội nhập và lan tỏa giá trị Việt Nam³²

Trong nền ngoại giao Việt Nam, văn hóa ngày càng đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng thương hiệu quốc gia, tạo dựng hình ảnh tích cực của đất nước. Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nhấn mạnh: “Văn hóa phải soi đường cho quốc dân đi”. Tiếp nối tư tưởng đó, cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng khẳng định, văn hóa là hồn cốt của dân tộc, văn hóa còn thì dân tộc còn. Văn hóa không chỉ là di sản tinh thần mà còn là cốt lõi cho sự phát triển và trường tồn của đất nước, là yếu tố quan trọng trong việc xây dựng thương hiệu quốc gia, định vị Việt Nam trên bản đồ thế giới. Để văn hóa thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, góp phần nâng cao vị thế và hình ảnh quốc gia, cần phát huy tối đa giá trị văn hóa và con người Việt Nam, biến văn hóa thành động lực thúc đẩy cho sự phát triển bền vững.

Trong hội nhập quốc tế, Việt Nam đã có những đóng góp xứng đáng cho nền văn minh nhân loại. Tiêu biểu nhất là những đóng góp qua cuộc đời và sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc, Nhà văn hoá kiệt xuất của Việt Nam. Trong Nghị quyết số 24C/18.6.5 tháng 11/1987, UNESCO đã khẳng định: “Chủ tịch Hồ Chí Minh là một biểu tượng xuất sắc về sự tự khẳng định dân tộc, đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc của Nhân dân Việt Nam, góp phần vào cuộc đấu tranh chung của các dân tộc vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội”; “những đóng góp quan trọng và nhiều mặt của Chủ tịch Hồ Chí Minh trên các lĩnh vực văn hoá, giáo dục và nghệ

³²https://tapchicongsan.org.vn/web/guest/van_hoa_xa_hoi/-/2018/1088802/dinh-vi-thuong-hieu-quoc-gia-viet-nam-quang-ngoai-giao-van-hoa.aspx

thuật chính là sự kết tinh của truyền thống văn hoá hàng ngàn năm của dân tộc Việt Nam, và những tư tưởng của Người là hiện thân của những khát vọng của các dân tộc mong muốn được khẳng định bản sắc văn hóa của mình và mong muốn tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau giữa các dân tộc”³³.

Nhận thức rõ vai trò quan trọng của văn hóa trong chiến lược phát triển đất nước, Đảng và Nhà nước ta đã xác định việc định hình thương hiệu quốc gia thông qua ngoại giao văn hóa là một nhiệm vụ quan trọng, đặc biệt trong bối cảnh hội nhập sâu rộng hiện nay. Chiến lược tổng thể hội nhập quốc tế đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đề ra mục tiêu: “Nâng cao hình ảnh của đất nước và con người Việt Nam, giới thiệu rộng rãi hình ảnh quốc gia Việt Nam trên toàn thế giới, văn hóa Việt Nam có những đóng góp mới được ghi nhận trong đời sống văn hóa quốc tế”³⁴. Trên cơ sở đó, các chiến lược và chương trình hành động đã được triển khai nhằm biến văn hóa thành một sức mạnh mềm giúp nâng cao vị thế đất nước. Chiến lược ngoại giao văn hóa đến năm 2030 đặt mục tiêu sử dụng công cụ văn hóa trong ngoại giao để củng cố quan hệ quốc tế, bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc và phát triển kinh tế, xã hội. Một trong số đó là hoạt động xây dựng hình ảnh thương hiệu quốc gia thông qua các giá trị văn hóa của dân tộc, như các di sản, nghề thủ công truyền thống, ẩm thực, âm nhạc, thời trang,... nhằm tạo dựng một hình ảnh đất nước Việt Nam tươi đẹp, giàu truyền thống văn hóa, có bản sắc độc đáo, thân thiện và cởi mở...

Hiện nay, Việt Nam đã chủ động triển khai nhiều hoạt động quảng bá thương hiệu quốc gia, lồng ghép yếu tố văn hóa vào các hoạt động đối ngoại, các chương trình nghị sự quốc tế, tạo điều kiện để hình ảnh đất nước, con người Việt Nam được quảng bá rộng rãi. Bên cạnh đó, việc quảng bá văn hóa cũng được chú trọng song song với các mục tiêu chính trị và kinh tế trong các chuyến công du quốc tế của các lãnh đạo Việt Nam. Trong Tuần lễ cấp cao khóa 78 Đại hội đồng Liên hợp quốc (2023), Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính đã kết hợp quảng bá văn hóa đất nước thông qua việc tổ chức chương trình nghệ thuật truyền thống Việt Nam tại ba thành phố lớn của Hoa Kỳ. Tương tự, trong chuyến thăm Brazil của Thủ tướng Chính phủ (2024), các chương trình giao lưu văn hóa cũng đã góp phần thắt chặt quan hệ hữu nghị giữa hai quốc gia. Có thể thấy, bên cạnh các thỏa thuận ngoại giao, hình ảnh Việt Nam với nền văn hóa giàu bản sắc đã được giới thiệu rộng rãi. Những hoạt động này giúp định hình Việt Nam như một quốc gia có nền văn hóa phong phú, tạo “sức mạnh mềm” để tăng cường quan hệ quốc tế. Điều này góp phần nâng cao uy tín quốc gia, đồng thời tạo thiện cảm với các đối tác quốc tế, thúc đẩy hợp tác trên nhiều lĩnh vực.

³³ Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, dangcongson.vn, ngày 02/12/2019.

³⁴ Xem Hoa Nguyễn: *Xây dựng quảng bá hình ảnh quốc gia trong chiến lược Ngoại giao văn hóa*, Tạp chí Cộng sản.

Ngoài ra, hoạt động quảng bá hình ảnh Việt Nam thông qua các sự kiện văn hóa quốc tế cũng được đẩy mạnh. Việc Việt Nam tổ chức thành công Đại lễ Phật đản Liên hợp quốc Vesak 2014, 2019 và 2025, góp phần xây dựng hình ảnh một Việt Nam yêu chuộng hòa bình, luôn nỗ lực hành động vì hòa bình, hợp tác và tiến bộ xã hội trên thế giới. Những hoạt động thường niên được tổ chức ở nhiều quốc gia, như: “Lễ hội hoa anh đào Nhật Bản - Hà Nội”, “Lễ hội ẩm thực văn hóa Việt Nam - Hàn Quốc”, Liên hoan ẩm thực quốc tế, Lễ hội ném còn ba nước Việt Nam - Lào - Trung Quốc, Ngày “Văn hóa các dân tộc Việt Nam” hay “Những ngày Mátxcova tại Hà Nội - 2019”, “Lễ hội văn hóa Việt Nam - Đức - Oktoberfest Việt Nam 2019”,... ngoài việc quảng bá văn hóa còn giúp gắn kết cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài. Các trung tâm văn hóa Việt Nam tại nhiều nước cũng dần định hình và đi vào hoạt động, trở thành kênh giới thiệu và giao lưu văn hóa hữu hiệu.

Việt Nam còn tích cực, chủ động tham gia các diễn đàn văn hóa toàn cầu, qua đó tạo điều kiện để các giá trị văn hóa dân tộc được thế giới công nhận. Hiện nay, Việt Nam có 34 di sản được Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên hợp quốc (UNESCO) công nhận, bao gồm di sản thiên nhiên, di sản văn hóa vật thể, di sản văn hóa phi vật thể và di sản tư liệu, phản ánh sự đa dạng và chiều sâu văn hóa của quốc gia. Sự hiện diện của Việt Nam trong các tổ chức quốc tế như UNESCO cũng là một minh chứng rõ nét cho việc sử dụng văn hóa để nâng cao thương hiệu quốc gia. Việc UNESCO công nhận các di sản không chỉ giúp bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa Việt Nam mà còn nâng cao sức hút của Việt Nam trên trường quốc tế, khẳng định vị thế của một quốc gia có nền văn hóa lâu đời và đáng tự hào.

Thông qua ngoại giao văn hóa, hình ảnh đất nước, con người Việt Nam với những giá trị văn hóa riêng, đặc sắc dần trở nên gần gũi hơn với cộng đồng quốc tế. Qua đó, bạn bè quốc tế có thể hiểu rõ, hiểu đúng về Việt Nam, tin tưởng vào đường lối đổi mới, hội nhập quốc tế của Việt Nam, đánh giá đúng những tiềm năng, lợi thế và sự đóng góp của Việt Nam vào tiến trình phát triển chung của khu vực, thế giới.

Trong bối cảnh hội nhập, để tiếp tục khai thác và phát huy giá trị văn hóa một cách thực chất và hiệu quả hơn nữa, cần nhìn nhận rõ những tiềm năng và cơ hội mà ngoại giao văn hóa mang lại, đồng thời xác định những thách thức cần vượt qua để tối ưu vai trò của ngoại giao văn hóa trong chiến lược phát triển thương hiệu quốc gia.

Tuy nhiên, bên cạnh những lợi thế và tiềm năng, việc xây dựng hình ảnh thương hiệu quốc gia thông qua ngoại giao văn hóa cũng phải đối mặt với nhiều thách thức, trong đó nổi bật là sự mai một của các di sản văn hóa và việc khai thác chưa hiệu quả tiềm năng văn hóa trong chiến lược thương hiệu quốc gia. Tác động

của toàn cầu hóa, đô thị hóa và sự thay đổi trong lối sống của giới trẻ khiến nhiều loại hình nghệ thuật dân gian, phong tục truyền thống và nghề thủ công có nguy cơ bị quên lãng. Nhiều di sản văn hóa phi vật thể như: Quan họ Bắc Ninh, ca trù, hát xoan tuy được UNESCO công nhận nhưng vẫn đối diện với nguy cơ mai một do thiếu nguồn nhân lực kế thừa. Đáng chú ý, nguồn lực đầu tư cho bảo tồn di sản vẫn còn hạn chế, chưa đáp ứng nhu cầu thực tế trong việc duy trì, phục dựng và phát huy giá trị di sản. Dù Nhà nước ta đã có chính sách đầu tư qua nhiều giai đoạn, song mức kinh phí dành cho công tác bảo tồn vẫn chưa tương xứng với quy mô và nhu cầu gìn giữ hệ thống di sản trên cả nước, dẫn đến tình trạng một số di sản được quan tâm đầu tư mạnh, trong khi nhiều di sản khác chưa được khai thác hiệu quả.

Mặc dù sở hữu nguồn tài nguyên văn hóa phong phú, nhưng Việt Nam vẫn chưa tận dụng triệt để để biến văn hóa thành một lợi thế cạnh tranh trong quảng bá thương hiệu quốc gia. Các sản phẩm văn hóa như: Âm thực, thời trang, thủ công mỹ nghệ, điện ảnh... tuy đã hiện diện trên thị trường quốc tế nhưng chưa có chiến lược phát triển bài bản để tạo ra sức ảnh hưởng mạnh mẽ. Các chương trình quảng bá văn hóa quốc gia ra thế giới vẫn còn dàn trải, thiếu trọng tâm và chưa đạt đến quy mô đủ lớn để tạo dấu ấn sâu sắc. Ngoài ra, việc thiếu kết hợp chặt chẽ giữa văn hóa với du lịch, thương mại và ngoại giao khiến Việt Nam chưa khai thác hết tiềm năng của “sức mạnh mềm” văn hóa để nâng cao hình ảnh quốc gia.

VII. Kinh tế đối ngoại - Động lực cho xây dựng và phát triển đất nước

Từ một đất nước lạc hậu, bị tàn phá nặng nề trong chiến tranh, đến nay Việt Nam đã trở thành nền kinh tế đang vươn lên mạnh mẽ, nằm trong топ 35 nền kinh tế hàng đầu về quy mô GDP. Công cuộc hội nhập quốc tế của ta đã chuyển từ hội nhập kinh tế đơn thuần sang hội nhập toàn diện, sâu rộng. Đến nay, chúng ta đã có quan hệ kinh tế với hơn 230 quốc gia, vùng lãnh thổ; ký kết và triển khai 17 FTA, trong đó có nhiều FTA thế hệ mới. Triển khai Chỉ thị số 15-CT/TW, ngày 10/8/2022 của Ban Bí thư về công tác ngoại giao kinh tế phục vụ phát triển đất nước đến năm 2030, đối ngoại và ngoại giao đã huy động nhiều nguồn lực quan trọng như: FDI, ODA, đưa Việt Nam gia nhập nhóm 20 nước có quy mô thương mại lớn nhất và thu hút đầu tư nước ngoài hàng đầu thế giới; trở thành mắt xích quan trọng trong nhiều liên kết kinh tế thông qua hơn 500 hiệp định song phương và đa phương; vận động các đối tác lớn trong các lĩnh vực mới như: Chuyển đổi xanh, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, tham gia các chuỗi cung ứng và cải thiện vị trí Việt Nam trong chuỗi giá trị toàn cầu³⁵.

Nhìn lại chặng đường từ đầu nhiệm kỳ Đại hội Đảng lần thứ XIII đến nay, có thể khẳng định, công tác ngoại giao kinh tế đã đạt những bước tiến quan trọng,

³⁵<https://nhandan.vn/chang-duong-80-nam-ve-vang-cua-nen-ngoai-giao-viet-nam-vi-su-nghiep-dau-tranh-bao-ve-va-xay-dung-dat-nuoc-post904096.html>

mang tính đột phá. Thành quả này là sự kết tinh của những yếu tố nền tảng, mang tầm vóc chiến lược. Đó là sự đổi mới tư duy sâu sắc, chỉ đạo quyết liệt của Đảng. Lần đầu tiên ngoại giao kinh tế được đưa thành một chủ trương trong văn kiện Đại hội Đảng. Đó là sức mạnh của sự đồng thuận cao và vào cuộc của cả hệ thống chính trị. Từ đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước đến đối ngoại Nhân dân, từ các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp trong nước đến các cơ quan đại diện ở nước ngoài, tất cả đã tạo nên một mặt trận ngoại giao kinh tế thống nhất, hiệp đồng chặt chẽ và hiệu quả.

Những nền tảng vững chắc đó đã mở đường cho công tác ngoại giao kinh tế được triển khai bài bản, toàn diện trên tất cả các trụ cột đối ngoại, từ đối ngoại cấp cao và các cấp đến ngoại giao chuyên ngành, trên tất cả các lĩnh vực, các thị trường; cả song phương và đa phương, mang lại nhiều kết quả thực chất, có ý nghĩa, đóng góp quan trọng vào những thành tựu to lớn chung của đối ngoại đối với phát triển kinh tế - xã hội đất nước, được Đảng, Nhà nước ghi nhận, đánh giá cao. Nổi bật là:

Thứ nhất, nỗ lực làm sâu sắc thêm quan hệ của nước ta với các nước, đặc biệt quan hệ kinh tế, thương mại, đầu tư. Ngoại giao kinh tế thực sự trở thành nội hàm then chốt trong tất cả các hoạt động đối ngoại, đặc biệt đối ngoại cấp cao. Trong nội hàm nâng cấp, nâng tầm quan hệ với các đối tác, kinh tế là ưu tiên hàng đầu và đạt những kết quả rất cụ thể, thiết thực, tạo ra thời cơ mới cho phát triển đất nước.

Thứ hai, khi đại dịch Covid-19 bùng phát, ngoại giao kinh tế đã nhanh chóng tập trung mũi nhọn vào ngoại giao vaccine. “Chiến dịch” ngoại giao vaccine trong năm 2021 đã đóng góp quyết định vào thực hiện thành công chiến lược vaccine, tự hào là nước “đi sau về trước”. Đây là điều kiện tiên quyết để nước ta trở thành một trong những nước mở cửa sớm, làm tiền đề cho phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội như ngày nay.

Thứ ba, đẩy mạnh hội nhập và liên kết kinh tế quốc tế; kịp thời, nhanh nhạy tranh thủ thu hút nguồn lực bên ngoài phục vụ các động lực mới cho phát triển, nhất là tài chính xanh, đầu tư cho chuyển đổi năng lượng, đầu tư chất lượng cao...

Thứ tư, tích cực đồng hành, kết nối, hỗ trợ các địa phương, doanh nghiệp Việt Nam thúc đẩy xuất khẩu, thu hút đầu tư và mở rộng hợp tác kinh tế với nước ngoài, nhất là mở rộng các thị trường tiềm năng, khơi thông các thị trường mới.

Thứ năm, chủ động, nhạy bén trong công tác nghiên cứu, tham mưu phục vụ điều hành kinh tế - xã hội của Chính phủ trên cơ sở bám sát nhu cầu trong nước và các trọng tâm của Chính phủ.

Kinh tế thế giới đang trải qua những thay đổi có tính thời đại, biến động nhanh chóng, phức tạp, khó lường, với nhiều xu thế mới và vai trò ngày càng quan

trọng của các động lực tăng trưởng mới. Cùng với đó, đổi mới công nghệ diễn ra nhanh, tạo điều kiện cho các nước thực hiện các bước phát triển rút ngắn song đặt ra nguy cơ lớn về tụt hậu. Quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế vẫn tiếp diễn, song xuất hiện xu hướng gia tăng bảo hộ, phân tách, phân mảnh, co cụm, bất bình đẳng; cạnh tranh địa kinh tế - chính trị ngày càng gay gắt, nhất là tại châu Á - Thái Bình Dương, Đông Nam Á, gia tăng sức ép chọn bên cho các nước vừa và nhỏ. Các vấn đề an ninh truyền thống, phi truyền thống tác động ngày càng sâu rộng tới an ninh, phát triển của nhiều quốc gia, yêu cầu nỗ lực chung của cộng đồng quốc tế.

Trong bối cảnh đó, các quốc gia trên thế giới phải tập trung giải quyết căn bản nhiều vấn đề lớn. Đó là việc phải làm mới các động lực tăng trưởng truyền thống, đồng thời thúc đẩy mạnh mẽ các động lực tăng trưởng mới; tranh thủ ngoại lực phục vụ phát triển; bảo đảm tự chủ chiến lược, an ninh kinh tế, đồng thời hội nhập, liên kết quốc tế sâu rộng, thực chất. Ngoài ra, việc đa dạng hóa chuỗi cung ứng, mở rộng thị trường, đồng thời bảo vệ, củng cố sản xuất trong nước; duy trì tăng trưởng, phát triển, đồng thời bảo đảm ổn định xã hội, bảo vệ môi trường cũng là yếu tố quan trọng trong sự phát triển lành mạnh của mỗi quốc gia.

Với tinh thần “xây dựng nền ngoại giao toàn diện, hiện đại, chuyên nghiệp; lấy ngoại giao kinh tế là trung tâm” của dự thảo Văn kiện Đại hội Đảng XIV, công tác ngoại giao kinh tế phục vụ phát triển thời gian tới cần tập trung một số ưu tiên:

Thứ nhất, làm sắc nét hơn nội dung kinh tế trong các hoạt động đối ngoại, nhất là đối ngoại cấp cao; chú trọng các chương trình, dự án, sản phẩm cụ thể, có ý nghĩa chiến lược, có tính khả thi; đồng thời nâng cao hiệu quả cơ chế rà soát, đôn đốc để bảo đảm các cam kết, thỏa thuận của Lãnh đạo cấp cao được hiện thực hoá nhanh chóng.

Thứ hai, không ngừng làm mới các động lực tăng trưởng truyền thống (đầu tư, xuất khẩu, du lịch...). Khai thác tối đa và hiệu quả các FTA đã ký kết, mở rộng và tiếp cận các thị trường tiềm năng (Trung Đông, Mỹ Latinh, Trung Á...), tiếp tục đẩy mạnh đa dạng hóa thị trường, đa dạng hóa sản phẩm, đa dạng hóa chuỗi cung ứng, đồng thời hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam tham gia sâu hơn vào chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu.

Thứ ba, nâng cao chất lượng và tính thiết thực của công tác nghiên cứu, gắn với hơi thở cuộc sống, bám sát tình hình thực tế, kịp thời tham mưu chính sách “trúng” và “đúng”, vừa tạo không gian chiến lược vừa thúc đẩy các trụ cột phát triển trong nước.

Thứ tư, gắn kết chặt chẽ ngoại giao kinh tế với hội nhập quốc tế, chủ động tham gia quá trình định hình các luật lệ, chuẩn mực quốc tế mới, nhất là trong các lĩnh vực có ý nghĩa chiến lược đối với sự phát triển của kinh tế thế giới.

Thứ năm, thúc đẩy các động lực tăng trưởng mới, nhất là khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo. Trong đó, ưu tiên hàng đầu là triển khai quyết liệt, hiệu quả ngoại giao khoa học công nghệ, với trọng tâm là: (i) xây dựng và thực hiện chiến lược hợp tác quốc tế về công nghệ chiến lược; (ii) thu hút các chuyên gia, tri thức người Việt Nam ở nước ngoài cùng đóng góp vào công cuộc xây dựng đất nước; (iii) xây dựng mạng lưới đối tác khoa học công nghệ toàn cầu.

VIII. Thành tựu đạt được và khó khăn, thách thức trong quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam

1. Vai trò, vị thế lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam được cộng đồng quốc tế thừa nhận và tôn trọng

- Các đảng, các nước, không phân biệt hệ thống chính trị, khuynh hướng chính trị, nhận thức rất rõ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam

Trong 40 năm đổi mới, nhất là những năm gần đây, các đảng, các nước đều tuyên bố, cam kết tôn trọng thể chế chính trị của Việt Nam. Các chuyến thăm nước ngoài của Tổng Bí thư Đảng ta đều được các nước, các đảng hết sức coi trọng, tiếp đón với tư cách là nhà lãnh đạo cao nhất, người đứng đầu chính thể Việt Nam. Các đảng, các nước, không phân biệt hệ thống chính trị, khuynh hướng chính trị, đều nhận thức rõ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong hệ thống chính trị và mong muốn củng cố, mở rộng quan hệ với Đảng ta. Đến nay, Đảng Cộng sản Việt Nam đã có quan hệ với 253 đảng ở 115 quốc gia trên thế giới, trong đó có 92 đảng cộng sản, 63 đảng cầm quyền, 38 đảng tham gia liên minh cầm quyền, tham chính³⁶.

- Công tác đối ngoại đảng được triển khai một cách tích cực, chủ động, hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm, có những đột phá, cả song phương và đa phương, góp phần quan trọng vào việc nâng cao vị thế, uy tín quốc tế của đất nước

Trên bình diện song phương, các mối quan hệ đối ngoại Đảng được phát triển sâu rộng. Đảng Cộng sản Việt Nam đã mở rộng quan hệ với các đảng cầm quyền, tham chính, các đảng đối lập lớn ở các nước đối tác quan trọng. Thông qua các cuộc điện đàm, hội đàm trực tuyến, gửi thư, điện giữa lãnh đạo Đảng Cộng sản Việt Nam và chính đảng các nước trên thế giới, ngoại giao chính đảng đã góp phần tăng cường sự tin cậy chính trị và định hướng cho quan hệ của nước ta với các đối tác. Đặc biệt, việc tổ chức các hội thảo lý luận giữa Đảng Cộng sản Việt Nam và

³⁶ Xem Phạm Minh Chính: “Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay” <https://baohinhphu.vn/>, 27/7/2024.

các đảng cộng sản cầm quyền trên thế giới, như: Đảng Cộng sản Trung Quốc, Đảng Nhân dân Cách mạng Lào, Đảng Cộng sản Cuba có ý nghĩa quan trọng để tổng kết và chia sẻ các thành tựu về lý luận và thực tiễn, cũng như kinh nghiệm trong quá trình lãnh đạo công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở mỗi nước. Đảng Cộng sản Việt Nam ký kết các thỏa thuận đào tạo, cử hàng nghìn lượt cán bộ sang Đảng Cộng sản Trung Quốc, Đảng Nhân dân Singapore và các chính đảng tại Australia mỗi năm, cùng nhiều khóa đào tạo khác cho cán bộ các cấp.

Trên bình diện đa phương, Đảng Cộng sản Việt Nam đã chủ động, tích cực tham gia, phát huy tốt vai trò tại các diễn đàn đa phương chính đảng, ở cả cấp độ khu vực và cấp độ quốc tế. Những hoạt động này góp phần giới thiệu kinh nghiệm quản trị đất nước, chuyển tải thông điệp của Đảng ta, tăng cường sự hiểu biết của các chính đảng đối với Đảng Cộng sản Việt Nam nói riêng, đất nước nói chung, từ đó nâng tầm ảnh hưởng của Việt Nam tại khu vực và trên thế giới³⁷. Đảng Cộng sản Việt Nam là thành viên có uy tín tại cơ chế Cuộc gặp quốc tế thường niên của các đảng cộng sản và công nhân (IMWCP). Đây là cơ chế đa phương quan trọng nhất của các đảng cộng sản, công nhân trên thế giới hiện nay. Đảng Cộng sản Việt Nam cũng tham gia tích cực vào cơ chế Hội nghị quốc tế các chính đảng châu Á (ICAPP), được bầu làm Ủy viên thường trực và là thành viên chủ chốt của ICAPP trong suốt nhiều năm.

Đảng Cộng sản Việt Nam coi trọng cả trao đổi song phương và đa phương với các đảng trên thế giới. Đảng đã thiết lập cơ chế trao đổi, tổ chức hội thảo lý luận (với Đảng Cộng sản Trung Quốc, Đảng Nhân dân Cách mạng Lào, Đảng Cộng sản Cuba, Đảng Cộng sản Pháp), trao đổi lý luận (với Đảng Cộng sản Nhật Bản), đối thoại chính sách (với Đảng Dân chủ xã hội Đức), tham vấn với các đảng lớn và chính đảng cầm quyền trên thế giới³⁸.

Các chính đảng đều đánh giá tích cực về vai trò và đóng góp của Đảng Cộng sản Việt Nam trong nỗ lực thúc đẩy sự đoàn kết, đồng thuận, định hướng phối hợp trong hoạt động của các diễn đàn theo hướng năng động, thực chất hơn.

Có thể thấy, đối ngoại đảng đã đạt nhiều kết quả tốt đẹp. Đó là tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau, củng cố sự tin cậy chính trị và cùng trao đổi, đề ra những phương hướng hợp tác hiệu quả hơn trong thời gian tới với các đảng lãnh đạo, bạn bè truyền thống, các đảng lớn và các cầm quyền. Trong khi các chính đảng cầm quyền, các đảng chính trị lớn, hoặc có vị thế quan trọng ở các quốc gia, thậm chí không ở những nước cùng chế độ chính trị, đều thể hiện mong muốn thiết lập, duy trì, thúc đẩy mối quan hệ trao đổi, đối thoại thực chất, hiệu quả với Đảng Cộng sản

³⁷ Xem Hữu Hưng: “*Ngoại giao chính đảng nâng tầm vị thế Việt Nam*”, Báo Nhân dân điện tử, <https://nhandan.vn>, 01/02/2023.

³⁸ Xem Nguyễn Hồng Sơn (chủ biên): *Nâng cao chất lượng, hiệu quả các cuộc hội thảo quốc tế về lý luận giữa Đảng Cộng sản Việt Nam và một số chính Đảng trên thế giới*, 2019, Nxb.CTQG-ST, Hà Nội, tr. 34.

Việt Nam. Điều này thể hiện và khẳng định sự tôn trọng, đánh giá cao vai trò, vị thế lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam không chỉ đối với hệ thống chính trị trong nước, mà còn đối với việc tạo dựng, gìn giữ môi trường hòa bình, ổn định, hợp tác cùng phát triển của khu vực cũng như trên toàn thế giới.

2. Việt Nam có vị trí quan trọng trong chính sách của các nước lớn

Thế giới đang có nhiều thay đổi mang tính thời đại, với đặc điểm nổi bật là các nước lớn, các trung tâm quyền lực tiếp tục xu thế vừa hợp tác vừa cạnh tranh, trong đó cạnh tranh có phần nổi trội hơn. Trong bối cảnh đó, Việt Nam triển khai đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ cùng quan điểm nhất quán “chọn chính nghĩa, lẽ phải; không chọn bên, chọn phe”, đã phát huy vai trò “tiên phong” của đối ngoại trong việc tạo lập và giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, huy động các nguồn lực bên ngoài để phát triển đất nước, nâng cao vị thế và uy tín của đất nước”³⁹.

Cho đến nay, Việt Nam đã thiết lập quan hệ Đối tác chiến lược và Đối tác toàn diện với tất cả các thành viên thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, các nước lớn. Trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược gay gắt và áp lực chọn phe tại khu vực, Việt Nam vẫn duy trì, thúc đẩy quan hệ Đối tác chiến lược toàn diện với 3 cường quốc hàng đầu là Trung Quốc, Hoa Kỳ và Liên bang Nga, đồng thời, với các nước tầm trung, như: Ấn Độ, Nhật Bản, Australia... cùng các quốc gia chủ chốt trong khu vực như: Indonesia, Malaysia, Singapore, Thái Lan. Đến nay, Việt Nam có quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với 13 nước. Việt Nam từng bước đưa hợp tác với các nước đi vào chiều sâu trong hầu hết mọi lĩnh vực, bao gồm cả ngoại giao, kinh tế và quốc phòng. Việt Nam luôn thúc đẩy hợp tác quản lý và giải quyết các tranh chấp, xung đột trên cơ sở luật pháp quốc tế, góp phần gìn giữ hòa bình và ổn định khu vực và thế giới.

Với Trung Quốc: Việt Nam là một nước láng giềng quan trọng luôn là một ưu tiên trong chính sách ngoại giao của nước này. Sau Đại hội Đảng Cộng sản Trung Quốc lần XVIII (2012), Trung Quốc đẩy mạnh chính sách ngoại giao láng giềng theo phương châm là “thân thiện với láng giềng, coi láng giềng là đối tác”. Hội nghị Trung ương về công tác ngoại giao láng giềng ngày 09/4/2025 nhấn mạnh ngoại giao láng giềng là một trọng tâm của Trung Quốc, là định hướng ưu tiên quan trọng để Trung Quốc và các nước láng giềng thực hiện mục tiêu cùng thịnh vượng. Do đó, với Trung Quốc, Việt Nam là nước láng giềng nhưng cũng là nước xã hội chủ nghĩa do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Hai nước có vị trí địa lý núi liền núi, sông liền sông; văn hóa tương thông, lý tưởng tương đồng. Trung Quốc kỳ vọng cùng Việt Nam thúc đẩy xây dựng Cộng đồng chia sẻ tương lai Trung - Việt có ý

³⁹ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tập I, tr.162.

nghĩa chiến lược đi vào chiều sâu, thực chất theo hướng “Sâu hơn”⁴⁰. Trung Quốc mong muốn thông qua các kênh Ngoại giao Nhà nước, đối ngoại Đảng, đối ngoại Nhân dân cùng Việt Nam trao đổi, tham vấn lẫn nhau về tình hình quốc tế và trong nước. Cùng nhau thảo luận về tình hình quốc tế, tiến tới đạt được nhận thức chiến lược chung, từ đó thúc đẩy quan hệ song phương, cũng như sự phát triển trong nước của mỗi nước. Sau Đại hội Đảng lần thứ XIV (2026), Việt Nam sẽ bước vào một kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Mục tiêu phát triển đến năm 2045 của Việt Nam là nước công nghiệp phát triển, có thu nhập cao. Trung Quốc rất quan tâm đến việc Việt Nam sẽ hoạch định các chính sách đối nội như thế nào để đạt được những đột phá này, đồng thời hy vọng hai bên có thể tăng cường trao đổi kinh nghiệm, học hỏi lẫn nhau trong việc quản lý Đảng, quản lý đất nước, không ngừng tăng cường sự tin cậy chính trị, tình hữu nghị cũng như hiểu biết lẫn nhau giữa Nhân dân hai nước.

Với Hoa Kỳ: Trong gần 40 năm đổi mới, hội nhập quốc tế được đánh giá là thành công, vị thế, vai trò, uy tín của Việt Nam ngày càng nâng cao tại khu vực cũng như trên thế giới. Điều này đã khiến Việt Nam trở thành đối tác quan trọng của Mỹ và hợp tác với Việt Nam trở thành ưu tiên chính của nước này tại khu vực. Việc nâng cấp quan hệ, tăng cường hợp tác với Việt Nam có ý nghĩa then chốt đối với lợi ích của Mỹ cả về chiến lược lẫn kinh tế, đồng thời Mỹ kỳ vọng Việt Nam sẽ đóng vai trò lớn hơn trong việc thúc đẩy Chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương của mình. *Về chiến lược*, Việt Nam là một quốc gia quan trọng ở Đông Nam Á, có vị trí địa lý là cầu nối giữa Đông Nam Á hải đảo và Đông Nam Á lục địa thuận lợi trong việc tiếp cận và kiểm soát tuyến hàng hải ở Biển Đông, vốn là một trong những mối quan tâm sống còn đối với Mỹ và các đồng minh then chốt của nước này (như Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan (Trung Quốc), Philippines). Nâng cấp, tăng cường quan hệ với Việt Nam là một phần trong chiến lược rộng lớn hơn của Mỹ nhằm gia tăng sự hiện diện và ảnh hưởng tại khu vực, đặc biệt là trong bối cảnh các thách thức địa chính trị ngày càng tăng. Hợp tác chặt chẽ hơn với Việt Nam giúp Mỹ xây dựng, củng cố mối quan hệ đối tác mạnh mẽ hơn trong khu vực, bên cạnh các đối tác như Singapore và Philippines.

Với Liên bang Nga: Việt Nam giữ vị trí quan trọng trong chính sách đối ngoại của Liên bang Nga. Trải qua thử thách của 75 năm thiết lập quan hệ với Việt Nam, Nga nhận thức rõ Việt Nam là đối tác tin cậy, là cầu nối chiến lược của Nga với khu vực Đông Nam Á và ASEAN, đồng thời là một mắt xích quan trọng trong chính sách đối ngoại tổng thể của Nga tại châu Á - Thái Bình Dương. Việt Nam là một đối tác truyền thống bền vững và có vị trí quan trọng trong chính sách đối ngoại tổng thể của Nga. Quan hệ giữa hai nước tương đồng về lợi ích và mục tiêu

⁴⁰ Tin cậy chính trị cao hơn; hợp tác quốc phòng - an ninh thực chất hơn; hợp tác thực chất sâu sắc hơn; nền tảng xã hội vững chắc hơn; phối hợp đa phương chặt chẽ hơn; bất đồng được kiểm soát và giải quyết tốt hơn.

phát triển, tạo nên sự tin cậy chính trị sâu sắc và hiểu biết lẫn nhau, thể hiện qua các chuyến thăm cấp cao thường xuyên cùng các cơ chế phối hợp như Đối thoại chiến lược Ngoại giao - Quốc phòng - An ninh. Trên lĩnh vực kinh tế, Việt Nam là thành viên của FTA với Liên minh Kinh tế Á - Âu do Nga và các nước hậu Xô Viết sáng lập⁴¹ - củng cố thêm mối liên kết giữa hai nước. Trên các diễn đàn đa phương, hai nước chia sẻ mục tiêu chung là ủng hộ việc hình thành trật tự thế giới đa cực công bằng và bền vững, tạo cơ hội phát triển cho các quốc gia.

Với EU: Việt Nam là cầu nối quan trọng, đóng vai trò trung tâm trong quan hệ giữa EU và ASEAN. Cho đến nay, Việt Nam là đối tác thương mại lớn nhất của châu Âu trong ASEAN và thứ 14 của châu Âu trên thế giới. EU coi Việt Nam là đối tác tin cậy, thông qua FTA Việt Nam - EU (EVFTA) và Hiệp định Đối tác và Hợp tác toàn diện (PCA), mang lại cơ hội cho EU tiến vào thị trường lớn Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, đồng thời giúp EU thúc đẩy các dự án chiến lược thực hiện các mục tiêu về chuyển đổi xanh, năng lượng, kinh tế số và hạ tầng bền vững.

3. Vai trò, vị thế của Việt Nam trong chính sách đối ngoại của các nước đang phát triển trong khu vực và thế giới

Qua 40 năm đổi mới, mở cửa và hội nhập quốc tế, Việt Nam đã trở thành mắt xích quan trọng trong liên kết kinh tế khu vực và toàn cầu. Chuyển mạnh từ “tham gia tích cực” đến “đóng góp xây dựng, định hình luật chơi”, Việt Nam đã từng bước nâng tầm tham gia thúc đẩy các tiến trình, các thể chế đa phương dựa trên mục tiêu chung là hòa bình, ổn định, an ninh và hợp tác phát triển, trên cơ sở luật pháp quốc tế và nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi giữa các bên liên quan. Thành công trong đối ngoại, hội nhập quốc tế của Việt Nam đã tạo nên sự tin cậy chính trị từ các quốc gia, nhất là các nước đang phát triển, củng cố niềm tin vững chắc, hợp tác ngày càng mở rộng, thực chất và hiệu quả. Biểu hiện cụ thể qua các nội dung:

Thứ nhất, là đối tác tin cậy và có trách nhiệm. Việt Nam đã khẳng định vai trò này thông qua việc đảm nhiệm thành công các vị trí quan trọng tại các định chế đa phương, như: Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc hai nhiệm kỳ (2008 - 2009; 2020 - 2021), Chủ tịch ASEAN hai lần vào các năm 2010 và 2020, Chủ nhà Năm APEC hai lần vào năm 2006 và 2017, cùng nhiều sự kiện ngoại giao quốc tế. Bên cạnh đó, Việt Nam còn được đánh giá cao khi tham gia tích cực vào các tổ chức quốc tế, như: UNESCO, IAEA và nhiều cơ quan then chốt khác của Liên hợp quốc. Đây là những đóng góp thiết thực của Việt Nam vào quản trị toàn cầu, đồng thời khẳng định vai trò đối tác tin cậy và có trách nhiệm với cộng đồng thế giới.

⁴¹ Gồm: Nga, Armenia, Belarus, Kazakhstan và Kyrgyzstan.

Thứ hai, là thúc đẩy hòa bình và ổn định. Sau gần 40 năm đổi mới và hội nhập quốc tế, Việt Nam đã tham gia sâu vào các định chế quản trị đa phương, góp phần thúc đẩy xu thế hòa bình, ổn định của khu vực và thế giới. Việt Nam đã tạo dựng được mối quan hệ hợp tác chặt chẽ với các nước lớn, nước tầm trung, xây dựng và nâng cấp nhiều quan hệ đối tác chiến lược với 38 quốc gia trong đó có 13 nước là đối tác chiến lược toàn diện. Chính thông qua chính sách ngoại giao hòa bình, hợp tác này, Việt Nam đã tạo dựng được thế đan xen lợi ích với các nước, nhất là các nước lớn, từ đó góp phần quan trọng vào việc thúc đẩy hòa bình và ổn định tại khu vực cũng như trên toàn thế giới.

Thứ ba, là “hình mẫu” về đối ngoại và hội nhập quốc tế của các nước đang phát triển. Kinh nghiệm đối ngoại, hội nhập và phát triển của Việt Nam đã truyền cảm hứng cho các nước đang phát triển. Việt Nam là điểm tham chiếu quan trọng cho các nước đang phát triển trong việc xây dựng nền kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế và giải quyết các thách thức phát triển. Đồng thời cùng với các nước đang phát triển, Việt Nam chia sẻ các mục tiêu về phát triển bền vững, công bằng xã hội và kinh nghiệm phát huy vai trò ngày càng lớn hơn trong các diễn đàn đa phương, góp phần tăng cường đoàn kết và hợp tác giữa các nước đang phát triển cùng nhau hướng tới phồn vinh, thịnh vượng.

4. Việt Nam ngày càng có vị thế quan trọng trong các tổ chức quốc tế

Trong những năm qua, Việt Nam được tín nhiệm bầu vào các Hội đồng của Liên hợp quốc (về an ninh và phát triển như: Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc (2008 - 2009 và 2020 - 2021), Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc (2014 - 2016 và 2023 - 2025), Hội đồng kinh tế và xã hội ECOSOC (2016 - 2018), Ủy ban Luật pháp quốc tế (2023 - 2027), Hội đồng Chấp hành UNESCO (2021 - 2025), Ủy ban Liên Chính phủ Công ước Di sản phi vật thể (2022 - 2026),... Những cương vị này đều là cơ hội để Việt Nam đóng góp nhiều hơn cho các mục tiêu phát triển của Liên hợp quốc, đồng thời là minh chứng cho thấy sự tín nhiệm của cộng đồng quốc tế đối với mình. Việt Nam đã đề xuất nhiều chủ đề, sáng kiến thiết thực, có ý nghĩa sâu rộng nhằm thúc đẩy cách tiếp cận đa phương, kiên trì đề cao luật pháp quốc tế và Hiến chương Liên hợp quốc, tìm kiếm giải pháp hòa bình, bền vững, toàn diện cho các tranh chấp, xung đột trên cơ sở các nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia, không can thiệp vào công việc nội bộ, tính đến lợi ích chính đáng của các bên. Trong vai trò Chủ tịch Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc vào tháng 4/2021, Việt Nam đã thúc đẩy thông qua Tuyên bố Chủ tịch của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, nhấn mạnh nhu cầu tăng cường hợp tác quốc tế để chung tay giải quyết những hệ lụy của bom mìn sau chiến tranh đối với an toàn và sinh kế bền vững của người dân, cộng đồng.

Việt Nam nỗ lực thúc đẩy tăng cường hợp tác giữa Liên hợp quốc với ASEAN và các tổ chức khu vực, thúc đẩy vai trò trung tâm của ASEAN. Việt Nam là thành viên tích cực của ASEAN, ASEM, APEC, AIPA, IPU và nhiều diễn đàn đa phương quan trọng khác. Việt Nam đã chia sẻ khó khăn với các nước để cùng vượt qua đại dịch Covid-19, cử hàng trăm lượt cán bộ, chiến sĩ quân đội và công an tham gia các phái bộ gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc ở châu Phi, tham gia cứu hộ, cứu trợ nạn nhân động đất ở Thổ Nhĩ Kỳ, Mianma, thể hiện tinh thần nhân nghĩa, đoàn kết quốc tế, sẵn sàng chung tay giải quyết các thách thức chung mà nhân loại đang phải đối mặt.

5. Khó khăn, thách thức

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, tiến trình hội nhập quốc tế của nước ta còn một số tồn tại, hạn chế: Nhận thức, tư duy về hội nhập quốc tế đã chuyển biến tích cực, song trong một số lĩnh vực chưa có chiều sâu, có mặt còn tiếp cận giản đơn, chủ quan, ngắn hạn và cục bộ. Hội nhập quốc tế chưa thực sự đáp ứng kỳ vọng và yêu cầu về tạo đột phá cho phát triển kinh tế nhanh và bền vững, cơ cấu lại nền kinh tế và đổi mới mô hình tăng trưởng, cải thiện chất lượng nguồn nhân lực và đưa nước ta tham gia sâu rộng hơn vào chuỗi sản xuất, cung ứng toàn cầu. Việc tận dụng các cơ hội, tiềm năng của một số cơ chế, khuôn khổ hợp tác quốc tế đã ký kết còn hạn chế. Mức độ chủ động, sáng tạo và phát huy hiệu quả tham gia hội nhập quốc tế của một bộ phận cơ quan Trung ương, doanh nghiệp và địa phương còn cần được cải thiện. Khả năng chống chịu trước các tác động từ môi trường bên ngoài còn hạn chế...

Những hạn chế này chủ yếu do các nguyên nhân chủ quan: Tiến trình đổi mới, cải cách trong nước và nâng cao nội lực chưa được thực hiện đồng bộ với tốc độ, phạm vi hội nhập quốc tế. Năng lực của đội ngũ cán bộ các cấp làm công tác hội nhập quốc tế còn hạn chế. Các biện pháp, hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp, địa phương hội nhập quốc tế tại một số nơi còn thiếu chủ động. Nguồn lực dành cho hội nhập quốc tế chưa tương xứng với mức độ hội nhập ngày càng sâu rộng của nước ta. Công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các cam kết quốc tế trong một số lĩnh vực nhất định còn thiếu sâu sát, thường xuyên.

Bên cạnh đó, một số thách thức, khó khăn tiềm ẩn trong thực hiện tiến trình hội nhập quốc tế như: (i) Nguy cơ nền kinh tế dễ bị tổn thương hơn bởi các biến động từ môi trường bên ngoài, hàng hóa nước ta chịu sự cạnh tranh ngày càng gay gắt; nguy cơ xâm nhập của các yếu tố văn hóa độc hại cũng tăng lên; các thách thức an ninh phi truyền thống diễn biến phức tạp, nhất là các thách thức gắn với công nghệ cao,...; (ii) Việc triển khai một số cam kết quốc tế lớn như COP 28, JETP đang bị thách thức do các nước, các tổ chức quốc tế đều có xu hướng cắt giảm ngân sách dành cho phát triển và các vấn đề liên quan đến môi trường, biến

đổi khí hậu; (iii) Một số hạn chế, bất cập nội tại từ giai đoạn hội nhập trước vẫn chưa được giải quyết hiệu quả (như: Các doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài vẫn đang chiếm lĩnh thị trường xuất khẩu; khả năng tham gia sâu rộng vào các chuỗi sản xuất, chuỗi cung ứng toàn cầu của các doanh nghiệp Việt Nam vẫn hạn chế; năng suất lao động và chất lượng nhân lực của nước ta vẫn cần cải thiện,...).

Thế giới đang đứng trước những thay đổi căn bản mang tính thời đại, biến đổi sâu sắc về mọi mặt dưới tác động của các chuyển dịch lớn của chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, khoa học - công nghệ. Giai đoạn từ nay đến năm 2030 là giai đoạn quan trọng nhất để định hình và xác lập trật tự thế giới mới. Những thay đổi này đang tạo ra một môi trường quốc tế đa chiều hơn, mở ra những vận hội lớn cùng nhiều thách thức lớn cho đất nước. Trong giai đoạn giao thời, quá độ giữa cái cũ và cái mới, các nước vừa và nhỏ thường bị đặt ở thế bị động, không kịp thích ứng. Trong lần chuyển đổi này, nếu không kịp thời bắt nhịp với thế giới, nhận diện và tranh thủ cơ hội để đặt đất nước vào đúng dòng chảy của thời đại trong 10 năm, 20 năm tới, nguy cơ tụt hậu sẽ hiện hữu hơn bao giờ hết.

IX. Bảo vệ an ninh tư tưởng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái trong hội nhập⁴²

1. Những nguy cơ, thách thức đối với an ninh tư tưởng hiện nay

Thứ nhất, nguy cơ lệch hướng và suy yếu chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam bởi các hành động “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch, sự suy thoái tư tưởng và đạo đức, “tự chuyển hoá”, “tự diễn biến” của một bộ phận cán bộ, đảng viên.

Các thế lực thù địch triệt để lợi dụng internet, mạng xã hội và các phương tiện truyền thông để tuyên truyền xuyên tạc, kích động tư tưởng phản động. Chúng lôi kéo, mua chuộc những người bất mãn với chế độ, những cá nhân suy thoái về tư tưởng, chính trị, nhằm phát tán các nội dung chống phá, mưu toan tái diễn sự sụp đổ chế độ từng diễn ra tại Liên Xô, các nước Đông Âu trong những thập niên cuối thế kỷ XX. Hoạt động này diễn ra trên nhiều phương diện: (i) Phủ nhận nền tảng tư tưởng của Đảng: Chúng công khai phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lênin, xuyên tạc tư tưởng Hồ Chí Minh, cho rằng đây là học thuyết lỗi thời, không còn phù hợp trong bối cảnh toàn cầu hóa và phát triển công nghệ. Nhiều tài liệu, video trên Youtube, Facebook đã lan truyền luận điệu cho rằng “chủ nghĩa cộng sản đã cáo chung”, cổ xúy mô hình dân chủ phương Tây như là một lối thoát duy nhất. (ii) Tấn công vào vị thế, uy tín của lãnh tụ và đội ngũ lãnh đạo: Các thế lực thù địch và cơ hội cố tình bóp méo sự kiện lịch sử, xuyên tạc tiểu sử Hồ Chí Minh, công kích lãnh đạo cấp cao của Đảng và Nhà nước bằng thông tin sai sự thật, hòng làm suy

⁴² <https://ajc.edu.vn/bao-ve-an-ninh-tu-tuong-trong-boi-can-hien-nay-13771.htm?>

giảm niềm tin của quần chúng. Đơn cử, thời gian qua, các kênh truyền thông nước ngoài đăng tải nhiều bài viết mang tính kích động, bóp méo, xuyên tạc đường lối phát triển của Việt Nam là “độc tài”, “kìm hãm dân chủ”. (iii) Kêu gọi từ bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng: Chúng tung ra các chiến dịch truyền thông nhằm phủ nhận thành tựu đạt được trong công cuộc đổi mới đất nước, kích động đòi “đa nguyên, đa đảng”, can thiệp vào vấn đề nội bộ Việt Nam dưới danh nghĩa “bảo vệ nhân quyền”, “tự do tôn giáo”,...

Mặc dù đất nước đã đạt nhiều thành tựu to lớn trong công cuộc đổi mới, uy tín, vị thế quốc gia được nâng cao trên trường quốc tế, đối tác của Việt Nam được mở rộng, nhiều đối tác là nước lớn có hệ tư tưởng khác biệt vẫn trở thành những đối tác quan trọng của Việt Nam, song điều này không làm thay đổi mục tiêu chống phá của các thế lực thù địch đối với nước ta trên mặt trận tư tưởng, lý luận. Các thế lực thù địch tận dụng triệt để sự tiến bộ của khoa học - công nghệ, hiện đại hóa phương thức chống phá bằng công nghệ cao, lợi dụng không gian số và các phương tiện truyền thông xuyên quốc gia để lan truyền tư tưởng phản động, làm suy yếu lòng tin và gây rối loạn trong nhận thức xã hội. Theo đó, thúc đẩy “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ, nhằm từng bước làm suy yếu vai trò lãnh đạo của Đảng và phá hoại nền tảng tư tưởng, tạo nên khoảng trống trong hệ tư tưởng, cản trở con đường phát triển XHCN ở Việt Nam.

Thứ hai, thách thức đối với an ninh tư tưởng ở Việt Nam hiện nay

Một là, tình hình chính trị quốc tế, nhất là mâu thuẫn giữa các quốc gia, dân tộc cùng với âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch, phản động và phần tử cơ hội trong và ngoài nước là những yếu tố tác động tiêu cực, trực tiếp đến công tác bảo đảm an ninh tư tưởng của Việt Nam. Sự nổi lên của chủ nghĩa dân túy, chủ nghĩa dân tộc cực đoan, cùng các vấn đề an ninh phi truyền thống như: Dịch bệnh, khủng bố, biến đổi khí hậu đã tạo ra những tác động đa chiều tới đời sống xã hội Việt Nam, trong đó có lĩnh vực tư tưởng chính trị.

Hai là, các thế lực thù địch triệt để lợi dụng các vấn đề nhạy cảm, những “điểm nóng” trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội để bóp méo, xuyên tạc tình hình phát triển của đất nước, gieo rắc tâm lý hoài nghi, gây mất niềm tin trong một bộ phận quần chúng. Thông qua việc kích động các tư tưởng lệch lạc, hành vi cực đoan, chúng âm mưu tạo ra làn sóng chống đối có tổ chức, gây bất ổn xã hội và làm suy yếu niềm tin chính trị. Các phần tử này tìm cách hợp tác với các đối tượng bất mãn, cơ hội chính trị trong và ngoài nước, lợi dụng dư luận quốc tế để gây sức ép, từng bước can thiệp vào công việc nội bộ của Việt Nam dưới danh nghĩa “dân chủ”, “nhân quyền”, “tự do tôn giáo”,... Đây là một thủ đoạn nguy hiểm, vừa mang tính chất lâu dài, vừa có khả năng tạo ra những tổn thương sâu sắc trong đời sống tư tưởng chính trị của quốc gia.

Ba là, sự phát triển của công nghệ số, đặc biệt là mạng xã hội, đã tạo ra môi trường thuận lợi để các nội dung độc hại, phản động phát tán rộng rãi. Các tổ chức phản động nước ngoài như: Việt Tân, Chính phủ quốc gia Việt Nam lâm thời,... lợi dụng Facebook, Tiktok, Youtube để phát động “chiến tranh truyền thông”, thậm chí cung cấp tài liệu, hướng dẫn phương thức tổ chức biểu tình, gây rối làm mất ổn định an ninh, trật tự xã hội.

Bốn là, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế tạo ra nhiều sức ép cải cách thể chế, đây là cơ hội để các thế lực chống phá lợi dụng chiêu bài “tự do báo chí”, “tự do tôn giáo”, “nhân quyền” để can thiệp sâu vào công việc nội bộ, xuyên tạc nền tảng tư tưởng. Áp lực từ bên ngoài đòi hỏi cải cách, đổi mới trên nhiều lĩnh vực, Việt Nam tham gia vào toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế sâu rộng vào các tổ chức quốc tế, với các quốc gia buộc phải tuân thủ những nguyên tắc bắt buộc chung, để đáp ứng được tình hình mới buộc các quốc gia phải cải cách thể chế. Đây là cơ hội để các thế lực lợi dụng can thiệp, tạo nên những tác động tiêu cực, dưới những vỏ bọc của “tự do ngôn luận”, “tự do báo chí”, một số thế lực lợi dụng các tổ chức phi chính phủ, tập đoàn siêu quốc gia, các tổ chức dân sự hay tổ chức tôn giáo, bằng các chiêu bài “nhân quyền”, “dân chủ”, “tôn giáo” nhằm chống phá hệ tư tưởng.

Năm là, những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, đảng viên đang bị các thế lực thù địch lợi dụng để “cây mầm phản động”. Các hành vi như tham nhũng, lãng phí, vô cảm với dân sinh được chúng khoét sâu nhằm phá hoại niềm tin của Nhân dân đối với vai trò lãnh đạo của Đảng. Chúng lợi dụng các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên để từng bước xâm nhập, tác động vào nội bộ tổ chức đảng, với mục tiêu phân hóa, làm suy giảm sức chiến đấu của tổ chức và hệ thống chính trị. Những phần tử có biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, mang tâm lý bất mãn hoặc tư tưởng cơ hội chính trị dễ trở thành mắt xích bị lợi dụng, tiếp tay cho các hoạt động xuyên tạc, bôi nhọ đường lối, chủ trương và hoạt động của Đảng. Đây là một nguy cơ tiềm ẩn, gây ảnh hưởng tiêu cực đến công tác bảo vệ an ninh tư tưởng, đòi hỏi sự nhận diện đúng đắn, xử lý kịp thời và giải pháp đồng bộ.

2. Một số giải pháp tăng cường bảo vệ an ninh tư tưởng trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay

Một là, khẳng định vai trò hạt nhân lãnh đạo của Đảng, đồng thời tăng cường sự phối hợp hiệu quả giữa các tổ chức, cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng và chính quyền từ Trung ương đến cơ sở là yếu tố quyết định trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị xã hội như: Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Công đoàn,... cần chủ động tham gia vào công tác tuyên truyền, giáo dục, củng cố niềm

tin của Nhân dân vào đường lối, chính sách của Đảng và đấu tranh chống các quan điểm sai trái, thù địch. Những hoạt động này sẽ giúp bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng và đồng thuận xã hội.

Hai là, đẩy mạnh giáo dục chính trị, tư tưởng và nâng cao nhận thức cộng đồng về tầm quan trọng của an ninh tư tưởng. Việc quán triệt và triển khai nhất quán việc bảo vệ nền tảng tư tưởng vừa là nhiệm vụ cấp bách vừa là một nhiệm vụ lâu dài, thường xuyên liên tục. Các cơ quan đảng, nhà nước cần triển khai các chương trình giáo dục sâu rộng về lịch sử, văn hóa, truyền thống dân tộc, đồng thời đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả công tác giáo dục chính trị đối với cán bộ, đảng viên, lực lượng vũ trang và Nhân dân. Việc tăng cường nghiên cứu lý luận gắn với tổng kết thực tiễn sẽ cung cấp cơ sở khoa học vững chắc để chủ động đấu tranh, phản bác hiệu quả các quan điểm sai trái, thù địch, nhất là trên không gian mạng.

Ba là, ứng dụng công nghệ và kỹ thuật hiện đại. Sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ số và mạng xã hội tạo ra thách thức lớn đối với an ninh tư tưởng. Cần đẩy mạnh ứng dụng công nghệ để phát hiện và ngăn chặn các nguồn thông tin sai lệch, thù địch, đồng thời phát triển các trang thông tin chính thức, tuyên truyền sâu rộng các chủ trương, chính sách của Đảng, bảo vệ quan điểm chính trị của Đảng.

Bốn là, xây dựng “thế trận lòng dân” vững mạnh. Sự đoàn kết và đồng thuận trong xã hội là yếu tố then chốt trong bảo vệ an ninh tư tưởng. Các tổ chức chính trị - xã hội và quần chúng Nhân dân cần chủ động tham gia công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, từ đó tạo ra sức mạnh tổng hợp để đấu tranh với các thế lực thù địch. Xây dựng thế trận lòng dân vững mạnh là nền tảng quan trọng để đảm bảo an ninh quốc gia và ổn định xã hội trong kỷ nguyên mới với tinh thần “chủ động phòng ngừa” là chính, ứng phó kịp thời, hiệu quả với các đe dọa an ninh phi truyền thống.

Năm là, tăng cường công tác đấu tranh pháp lý và xây dựng cơ chế giám sát, xử lý thông tin sai lệch. Để bảo vệ an ninh tư tưởng, cần hoàn thiện các quy định pháp lý về thông tin và truyền thông, tăng cường phát hiện và xử lý các hành vi phát tán thông tin sai lệch, thù địch, xuyên tạc chính sách, chủ trương của Đảng, Nhà nước. Cần xây dựng các cơ chế pháp lý rõ ràng và chặt chẽ để kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý hiệu quả các vi phạm, đồng thời bảo vệ quyền lợi hợp pháp của công dân trong môi trường thông tin mở. Các cơ quan báo chí, truyền thông cần chủ động kịp thời cung cấp thông tin xác thực, không bỏ trống địa thông tin,...

Sáu là, nâng cao chất lượng nghiên cứu, đối thoại lý luận và phát huy vai trò của trí thức trong bảo vệ nền tảng tư tưởng. Các cơ sở nghiên cứu lý luận, các trường đại học, học viện cần đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển lý luận chính trị, nghiên cứu và giải quyết các vấn đề lý luận trong bối cảnh mới. Bên cạnh đó, cần tạo điều kiện để đội ngũ trí thức, nhà khoa học tham gia đối thoại lý luận,

trao đổi và phản biện về các vấn đề liên quan đến bảo vệ an ninh tư tưởng. Từ đó, nâng cao chất lượng công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng, giúp khẳng định và phát huy giá trị của hệ tư tưởng Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong mọi tình huống.

Bây là, thúc đẩy hợp tác quốc tế trong bảo vệ an ninh tư tưởng. Trong bối cảnh hiện nay, các thế lực thù địch có thể lợi dụng các kênh thông tin quốc tế nhằm lan truyền các quan điểm sai lệch, gây ảnh hưởng đến an ninh tư tưởng của các quốc gia. Chính vì vậy, việc tăng cường hợp tác quốc tế, chia sẻ thông tin và kinh nghiệm trong bảo vệ an ninh tư tưởng là rất cần thiết. Đặc biệt, cần phát huy công tác thông tin tuyên truyền đối ngoại của Việt Nam nhằm bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, củng cố lòng tin với bạn bè quốc tế, cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài, đồng thời tạo sự đoàn kết quốc tế trong nỗ lực ngăn chặn và phản bác các quan điểm sai trái, thù địch.

X. Nhiệm vụ và giải pháp thúc đẩy hội nhập quốc tế của Việt Nam trong tình hình mới

Thế giới đang trải qua những thay đổi mang tính thời đại với nhiều biến động nhanh chóng, phức tạp và khó dự báo. Như Tổng Bí thư Tô Lâm đã khẳng định, giai đoạn từ nay đến năm 2030 là giai đoạn quan trọng nhất để xác lập trật tự thế giới mới. Hòa bình, hợp tác, phát triển tiếp tục là xu thế lớn; các nước lớn dù cạnh tranh quyết liệt, nhưng vẫn tránh đối đầu, xung đột trực diện. Việc tận dụng tốt ưu thế về vị trí địa lý và sự rộng mở của quan hệ đối ngoại sẽ tạo nhiều dư địa hơn để thúc đẩy hợp tác, đa dạng hóa, đan xen lợi ích trong khuôn khổ hợp tác song phương và đa phương, giúp duy trì môi trường hòa bình, ổn định, tạo thêm cơ hội khẳng định và nâng cao vị thế quốc gia. Cùng với đó, Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và các đột phá về khoa học - công nghệ đang mở ra cơ hội để bứt phá, rút ngắn khoảng cách phát triển với thế giới, trong đó có các quốc gia “đi sau” như Việt Nam. Việc các nước lớn tăng cường triển khai sáng kiến hợp tác, liên kết kinh tế quốc tế, hình thành chuỗi cung ứng mới, mở ra cơ hội nâng cao vị trí của ta trong chuỗi cung ứng, sản xuất của khu vực và toàn cầu. Việc nâng cấp, nâng tầm quan hệ với nhiều đối tác chủ chốt tạo dư địa lớn để mở rộng thị trường xuất, nhập khẩu, thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và viện trợ phát triển chính thức (ODA) chất lượng cao, thúc đẩy đột phá về thể chế, hạ tầng, nguồn nhân lực. Mặt khác, sự biến động mạnh mẽ của môi trường quốc tế tác động lớn đến an ninh và phát triển của tất cả các nước; trong đó, các nước vừa và nhỏ thường bị đặt ở thế bị động, không kịp thích ứng, đứng trước nguy cơ tụt hậu xa hơn. Các thách thức an ninh phi truyền thống mở ra những cơ hội hợp tác mới, song khu vực châu Á - Thái Bình Dương cũng hứng chịu nhiều rủi ro nhất từ các thách thức này. Độ mở

cao của nền kinh tế Việt Nam khiến các doanh nghiệp nước ta dễ chịu tác động bởi các biến động của thị trường toàn cầu.

Ở trong nước, thời gian 10 năm tới là thời cơ chiến lược quan trọng, giai đoạn nước rút của cách mạng Việt Nam để đạt được mục tiêu 100 năm dưới sự lãnh đạo của Đảng, tạo tiền đề vững chắc để đạt các kế hoạch đề ra mục tiêu 100 năm thành lập nước vào năm 2045. Trên những thành tựu của 80 năm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, 40 năm đổi mới, nước ta có tiền đề vững chắc để hội nhập quốc tế sâu rộng, toàn diện, góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển đất nước đến năm 2030 và 2045.

Trên nền tảng đó, hội nhập quốc tế thời gian tới sẽ tập trung vào các ưu tiên sau:

Thứ nhất, tiếp tục quán triệt và đổi mới tư duy theo tinh thần Nghị quyết số 59-NQ/TW của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới. Hội nhập quốc tế phải được tiến hành “đồng bộ, hiệu quả” đi cùng với “toàn diện và sâu rộng”; phải sẵn sàng tham gia “đóng góp, xây dựng, định hình” các luật chơi, quy tắc, khuôn khổ hợp tác mới; sẵn sàng đóng góp cho các vấn đề chung của quốc tế. Hội nhập quốc tế phải lấy “người dân và doanh nghiệp làm trung tâm”; phải coi “đẩy mạnh đối ngoại và hội nhập quốc tế là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên”; đồng thời, tiếp tục kiên định bảo đảm tối đa lợi ích quốc gia - dân tộc, “đi bất biến ứng vạn biến” trong triển khai, phát huy ngoại giao tâm công và tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh.

Thứ hai, đóng góp thiết thực cho kiến tạo, tạo đột phá về động lực tăng trưởng mới, mở rộng không gian phát triển, phục vụ đắc lực cho việc thực hiện các đột phá chiến lược của đất nước. Hội nhập quốc tế trong kỷ nguyên phát triển mới cần phát huy vai trò tiên phong trong việc tranh thủ những xu hướng chuyển đổi đang định hình kinh tế thế giới (chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, chuyển đổi năng lượng, đổi mới sáng tạo...); tận dụng các chuyển đổi này để nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, nâng cao khả năng tự chủ và thích ứng của nền kinh tế; hình thành các lợi thế so sánh mới cho đất nước dựa trên khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo; nỗ lực tạo cơ hội để Việt Nam tham gia sâu rộng vào các chuỗi cung ứng, chuỗi sản xuất toàn cầu.

Thứ ba, nâng tầm đóng góp của Việt Nam cho hòa bình, an ninh và phát triển của nhân loại, góp phần xây dựng và bảo vệ trật tự quốc tế công bằng, bình đẳng dựa trên luật pháp quốc tế. Trong một thế giới mới, Việt Nam có điều kiện cũng như được kỳ vọng đóng góp nhiều hơn với tư cách là thành viên tích cực và có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế. Chúng ta có điều kiện để tham gia xây dựng, định hình các thể chế đa phương, tham gia vào các sáng kiến của các nước, và hơn thế là phát huy vai trò nòng cốt, dẫn dắt trong những vấn đề và cơ chế quan

trọng có tầm chiến lược, phù hợp với lợi ích của ta. Trước mắt, cần nỗ lực củng cố vai trò trung tâm của ASEAN, đẩy mạnh liên kết kinh tế nội khối và xây dựng các cơ chế giải quyết các vấn đề chung của khu vực; thúc đẩy hợp tác bền vững, bao trùm, lấy con người làm trung tâm trong hợp tác khu vực và tiểu vùng Mê Công. Trên trường quốc tế, Việt Nam có thể đóng góp tích cực, trách nhiệm hơn vào các vấn đề chung, đặc biệt là ứng phó với các thách thức toàn cầu như biến đổi khí hậu, đưa phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050, thúc đẩy SDGs; tham gia sâu hơn vào các hoạt động gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc, cứu hộ cứu nạn, viện trợ nhân đạo.

Thứ tư, phát huy “sức mạnh mềm” của dân tộc, lan tỏa mạnh mẽ hình ảnh Việt Nam độc lập, tự chủ, hòa hiếu, hợp tác, hữu nghị, phát triển. Vị thế, uy tín đất nước không chỉ là sức mạnh vật chất mà còn là “sức mạnh mềm”, đó là nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc, những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử của công cuộc đổi mới, là đường lối đối ngoại hòa bình, hòa hiếu, xử lý các vấn đề quốc tế hài hòa, có lý, có tình, tôn trọng luật pháp quốc tế, là sự đồng tình, ủng hộ của Nhân dân thế giới. Hội nhập quốc tế trên lĩnh vực văn hóa, xã hội phải trở thành công cụ đắc lực để xây dựng lòng tin và sự hiểu biết lẫn nhau giữa các quốc gia; tạo dựng mối quan hệ gắn bó, tin cậy lâu dài với các đối tác; tranh thủ rộng rãi sự ủng hộ của các nước, bạn bè quốc tế và bà con kiều bào đối với sự nghiệp đổi mới của Việt Nam.

Thứ năm, nâng tầm công tác nghiên cứu, tham mưu và dự báo chiến lược phục vụ hội nhập quốc tế, thể hiện tinh thần “ngoại giao trong kỷ nguyên mới” toàn diện, hiện đại, chuyên nghiệp. Sản phẩm nghiên cứu, tham mưu cần có tính liên thông, liên ngành và toàn diện hơn, trên cơ sở phối hợp chặt chẽ giữa tất cả trụ cột, lực lượng làm công tác đối ngoại. Đặc biệt, hội nhập quốc tế cần góp phần tham mưu về vấn đề kinh tế đối ngoại của đất nước; góp phần bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa; nhìn trước cơ hội, thách thức và tham mưu chủ trương, quyết sách và phương án xử lý phù hợp.

Thứ sáu, xây dựng tổ chức, bộ máy và đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ hội nhập quốc tế trong thời đại mới vừa “hồng”, vừa “chuyên”, có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiến thức và kỹ năng toàn diện ngang tầm khu vực và quốc tế, am hiểu luật pháp quốc tế, truyền thống, phong tục, văn hóa, luật pháp sở tại, nguyên tắc đối ngoại và hợp tác quốc tế, không ngừng tiên phong đổi mới, sáng tạo, đóng góp thiết thực vào thực hiện mục tiêu đối ngoại và hội nhập quốc tế trong giai đoạn mới. Để thực hiện được điều đó, công tác cán bộ phải tiếp tục là “then chốt của then chốt” trong triển khai nhiệm vụ hội nhập quốc tế thời gian tới.

